



BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN 2 0 1 8



MỤC LỤC

THƯ NGỎ CỦA CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

TỔNG QUAN VỀ CÔNG TY

1. Thông tin khái quát về Công ty	8
2. Quá trình hình thành và phát triển	8
3. Ngành nghề và địa bàn kinh doanh	10
4. Mô hình quản trị, tổ chức kinh doanh và bộ máy quản lý	13
5. Định hướng phát triển	14
6. Các rủi ro trong quá trình hoạt động	16

TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG KINH DOANH NĂM 2018

1. Tổng quan ngành du lịch Việt Nam năm 2018	20
2. Tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh	21
3. Giới thiệu ban lãnh đạo	22
4. Tổ chức và nhân sự	26
5. Tình hình đầu tư và thực hiện các dự án	29
6. Tình hình tài chính	30
6. Cơ cấu cổ đông, thay đổi vốn đầu tư chủ sở hữu	31

BÁO CÁO VÀ ĐÁNH GIÁ CỦA BAN GIÁM ĐỐC

1. Đánh giá tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh	35
2. Tình hình tài chính năm 2018	36
3. Kế hoạch hoạt động và các chỉ tiêu năm 2019	37

04

01

05

02

06

03

07

BÁO CÁO VÀ ĐÁNH GIÁ CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

1. Đánh giá của HĐQT về các mặt hoạt động của công ty	41
2. Báo cáo giám sát của HĐQT đối với Ban Giám đốc công ty	42
3. Các kế hoạch định hướng của HĐQT năm 2019	42

QUẢN TRỊ CÔNG TY

1. Hội đồng Quản trị	46
2. Báo cáo và đánh giá của Ban Kiểm soát	48
3. Các giao dịch thù lao và các khoản lợi ích của HĐQT, BTGD, BKS	49

BÁO CÁO PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG

1. Đánh giá về trách nhiệm bảo vệ môi trường và mục tiêu về phát triển bền vững	52
2. Chi tiết các chỉ tiêu phát triển bền vững	53

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

1. Bảng cân đối kế toán hợp nhất	62
2. Báo cáo kết quả kinh doanh hợp nhất	64
3. Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất	65
4. Bản thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất	66

THƯ NGỎ CỦA CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Kính gửi Quý cổ đông, Quý nhà đầu tư, và các Đối tác !

Tôi rất hân hạnh được chia sẻ với Quý vị về tình hình kết quả kinh doanh năm 2018 và kế hoạch phát triển kinh doanh năm 2019 của Công ty.

Công ty Cổ phần Du lịch Dịch vụ Hà Nội vừa có một năm hoạt động đầy hiệu quả trong bối cảnh kinh tế - xã hội hoàn thành tốt tất cả các chỉ tiêu đã được Quốc hội thông qua. GDP đất nước đã đạt mức 7,08%, mức cao nhất trong vòng 11 năm trở lại đây. Mức tăng ấn tượng này có phần đóng góp với các ngành dịch vụ và du lịch. Quy mô nền kinh tế hiện tại đạt 5,55 triệu tỷ đồng, tương đương với 240 tỷ USD, cao hơn 0,55 triệu tỷ đồng so với năm 2017. Ngoài ra, các chỉ số lạm phát đang được kiểm soát một cách hiệu quả; chỉ số CPI được giữ vững ở mức dưới 4%.

Năm 2018 đã khép lại với những kết quả thành công của ngành du lịch và là một năm có nhiều dấu ấn lớn. Theo thống kê của Tổng cục Du lịch, lượt khách du lịch quốc tế tới Việt Nam đã cán mốc kỷ lục 15,5 triệu lượt người, đạt được kỳ vọng đã đề ra từ đầu năm. Ngành du lịch đang ngày càng phát triển mạnh mẽ, đồng

thời cũng được tạo thêm nhiều điều kiện thuận lợi bởi Đảng và Nhà nước đã xúc tiến nhiều chính sách nhằm giúp ngành du lịch trở thành một ngành kinh tế mũi nhọn, đóng góp phần lớn vào GDP nước nhà.

Song hành với sự phát triển chung của ngành du lịch, kết quả kinh doanh của Công ty Cổ phần Du lịch Dịch vụ Hà Nội cũng đã đạt nhiều kết quả khả quan:

- Doanh thu thuần năm 2018 đạt 163.965.960.565 VNĐ, đạt 94,22% so với kế hoạch.

- Lợi nhuận sau thuế năm 2018 đạt 91.563.037.125 VNĐ, đạt 121,31% so với kế hoạch.

Năm 2018, các kế hoạch được đặt ra của Công ty đã được hoàn thành nhờ những nỗ lực không ngừng từ Hội đồng quản trị, Ban Tổng Giám đốc và toàn thể cán bộ nhân viên. Năm 2019 hứa hẹn tiếp tục sẽ là một năm đầy khó khăn và thử thách, vì vậy mục tiêu hoạt động của Công ty trong năm tài chính 2019 sẽ là cố gắng giữ ổn định mức lợi nhuận, phấn đấu trong năm 2019 đạt mức doanh thu

thuần 168,37 tỷ đồng, lợi nhuận sau thuế đạt 82,97 tỷ đồng. Hội đồng Quản trị tiếp tục đặt mục tiêu đẩy mạnh các lĩnh vực kinh doanh hiện có của Công ty, tăng cường công tác quản trị, tăng cường hoạt động marketing và các quan hệ hợp tác trong và ngoài nước, đề ra những chính sách nhân sự hợp lý để thúc đẩy tăng năng suất lao động nhằm hoàn thành các mục tiêu đã đề ra.

Tôi xin trân trọng cảm ơn sự tin tưởng và gắn bó của Quý vị cổ đông, Quý nhà đầu tư và Các đối tác! Với cơ hội từ dự báo tăng trưởng của nền kinh tế nước nhà, với nền tảng phát triển nhiều năm liên tục của Hanoi Toserco, cùng với hệ thống quản trị ngày càng hoàn thiện và chuyên nghiệp, Hội đồng Quản trị, Ban Tổng Giám đốc và toàn thể cán bộ nhân viên Hanoi Toserco quyết tâm hoàn thành tốt các kế hoạch, mục tiêu năm 2019 đã đề ra.

Kính chúc Quý vị Sức khỏe, Hạnh phúc và Thành công!

Chủ tịch Hội đồng Quản trị

Nguyễn Minh Chung

TỔNG QUAN CÔNG TY

1. Thông tin khái quát về Công ty
2. Quá trình hình thành và phát triển
3. Ngành nghề và địa bàn kinh doanh
4. Mô hình quản trị, tổ chức kinh doanh và bộ máy quản lý
5. Định hướng phát triển
6. Quản trị rủi ro

THÔNG TIN CHUNG



Tên Công ty	CÔNG TY CỔ PHẦN DU LỊCH DỊCH VỤ HÀ NỘI
Tên tiếng Anh	HANOI TOURIST SERVICE JOINT - STOCK COMPANY
Tên viết tắt	HANOI TOSERCO
Mã chứng khoán	TSJ
Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh và mã số thuế	Mã số doanh nghiệp: 0100107155 Sở KH & ĐT thành phố Hà Nội cấp GCNĐKDN cho Hanoi Toserco với tư cách công ty cổ phần chính thức vào ngày 15/03/2016; Đăng ký thay đổi lần thứ 4 ngày 09/10/2017
Vốn điều lệ	748.000.000.000VNĐ
Số cổ phiếu lưu hành	74.798.000
Trụ sở chính	Số 273 phố Kim Mã, Phường Giảng Võ, Quận Ba Đình, Thành phố Hà Nội
Người đại diện theo pháp luật	1. Ông Nguyễn Minh Chung – Chủ tịch HĐQT 2. Ông Nguyễn Kim Hà – Tổng Giám đốc

Số điện thoại

(024) 3726 2626

Fax

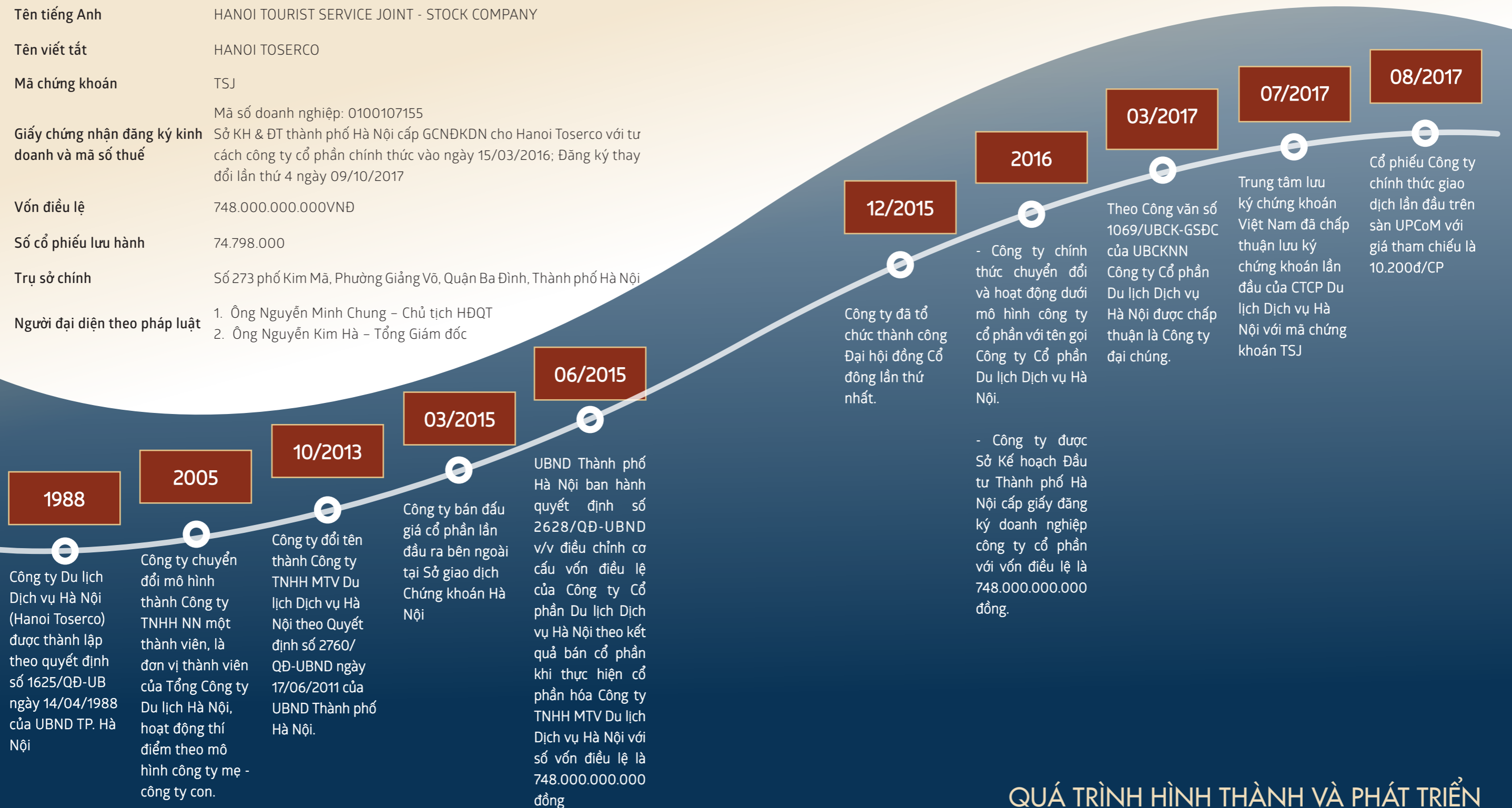
(024) 3726 2571

Email

info@tosercohanoi.com

Website

hanoitoserco.com.vn | hanoitoserco.vn

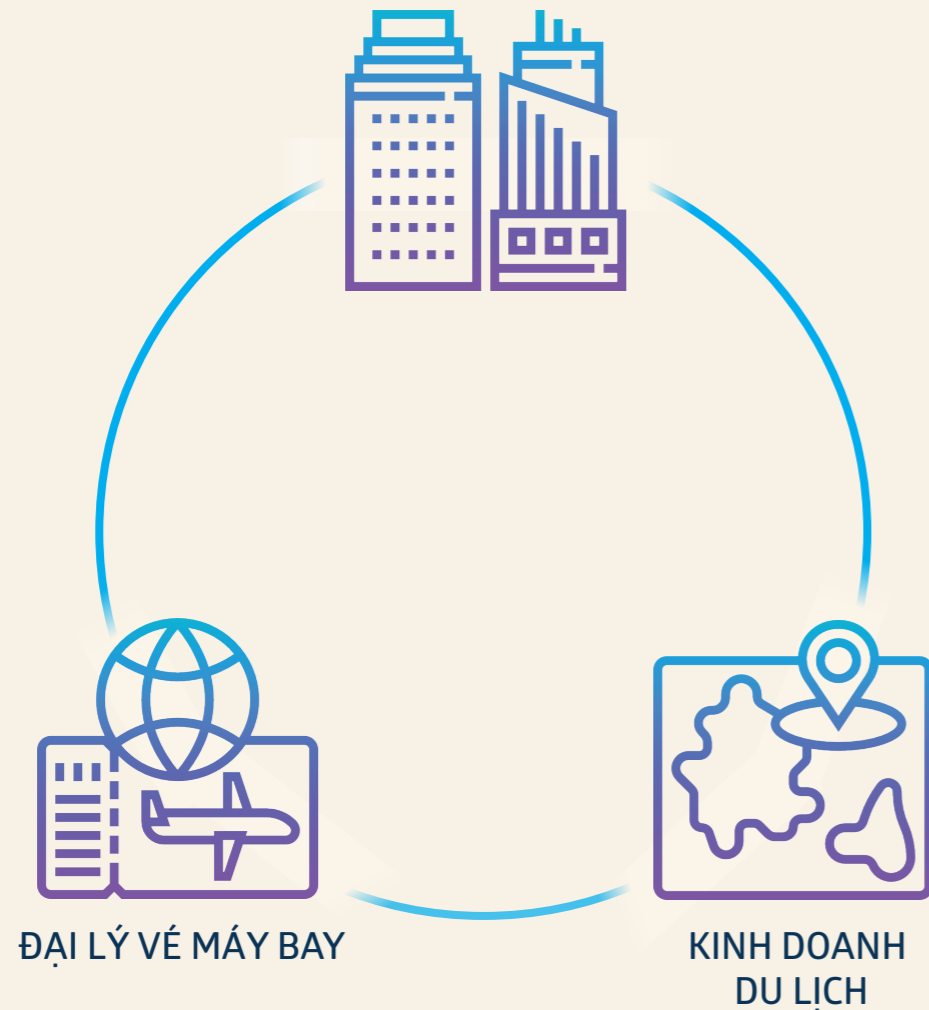


QUÁ TRÌNH HÌNH THÀNH VÀ PHÁT TRIỂN

NGÀNH NGHỀ VÀ ĐỊA BÀN KINH DOANH

Công ty Cổ phần Dịch vụ Du lịch Hà Nội thuộc nhóm ngành Du lịch, Khách sạn, và Dịch vụ. Công ty hoạt động trong 3 lĩnh vực chủ yếu là:

KINH DOANH CHO THUÊ NHÀ, VĂN PHÒNG, KHÁCH SẠN



KINH DOANH TOUR DU LỊCH

Hanoi Toserco là thương hiệu quen thuộc và có uy tín trong ngành du lịch của Thủ đô, đặc biệt với dịch vụ điều hành tour du lịch trong và ngoài nước. Lợi nhuận từ các hoạt động kinh doanh du lịch chiếm tỷ trọng lớn nhất trong tổng doanh thu của Công ty.

Ngành du lịch và dịch vụ là một trong những ngành công nghiệp có tốc độ tăng trưởng nhanh chóng và mang lại nhiều lợi nhuận kinh tế. Hanoi Toserco, cùng với cốt lõi là đội ngũ nhân sự giàu kinh nghiệm và được đào tạo bài bản, đã tạo dựng được chỗ đứng vững chắc trong ngành du lịch Thủ đô.

Hiện nay, Công ty đang vận hành rất nhiều tour du lịch hấp dẫn trong và ngoài nước. Năm 2018, Công ty đã triển khai thêm nhiều chương trình du lịch trong nước với nhiều điểm du lịch mới khởi hành từ Hà Nội, Đà Nẵng và từ TP. Hồ Chí Minh. Ngoài ra, những tour du lịch tới các điểm được du khách ưa chuộng nhất như: Nha Trang, Hạ Long, Sapa, Côn Đảo, Phú Quốc, Đà Lạt, Huế, Đà Nẵng, Miền Tây... cũng thường xuyên được duy trì và đẩy mạnh khai thác.



Những tour du lịch Quốc tế tiêu biểu mà Hanoi Toserco tổ chức có thể kể đến là những chương trình tới Campuchia, Trung Quốc, Hongkong - Macao, tour Pháp - Bỉ - Hà Lan - Đức, và các tour du lịch khác ở khu vực Đông Nam Á và Đông Bắc Á.

KINH DOANH CHO THUÊ BẤT ĐỘNG SẢN

Hiện tại, Hanoi Toserco đang kinh doanh cho thuê nhà và văn phòng tại 03 địa điểm trên địa bàn TP. Hà Nội: Tòa nhà 273 Kim Mã, Tòa nhà số 02 Núi Trúc, và Khu nhà số 53 Hàng Chuối.

Doanh thu từ mảng kinh doanh cho thuê nhà, văn phòng và khách sạn của Công ty luôn đóng góp một phần trọng yếu trong tổng doanh thu, chỉ sau doanh thu từ vận hành tour du lịch. Công ty đã tận dụng tiềm năng từ thị trường cho thuê bất động sản và tiếp tục xúc tiến hoạt động cho thuê nhà, văn phòng. Thường xuyên tập trung đầu tư, cải tạo, nâng cấp cơ sở vật chất nhằm đáp ứng yêu cầu của khách hàng hiện hữu, đồng thời nhằm thu hút ký kết được với nhiều khách hàng mới.



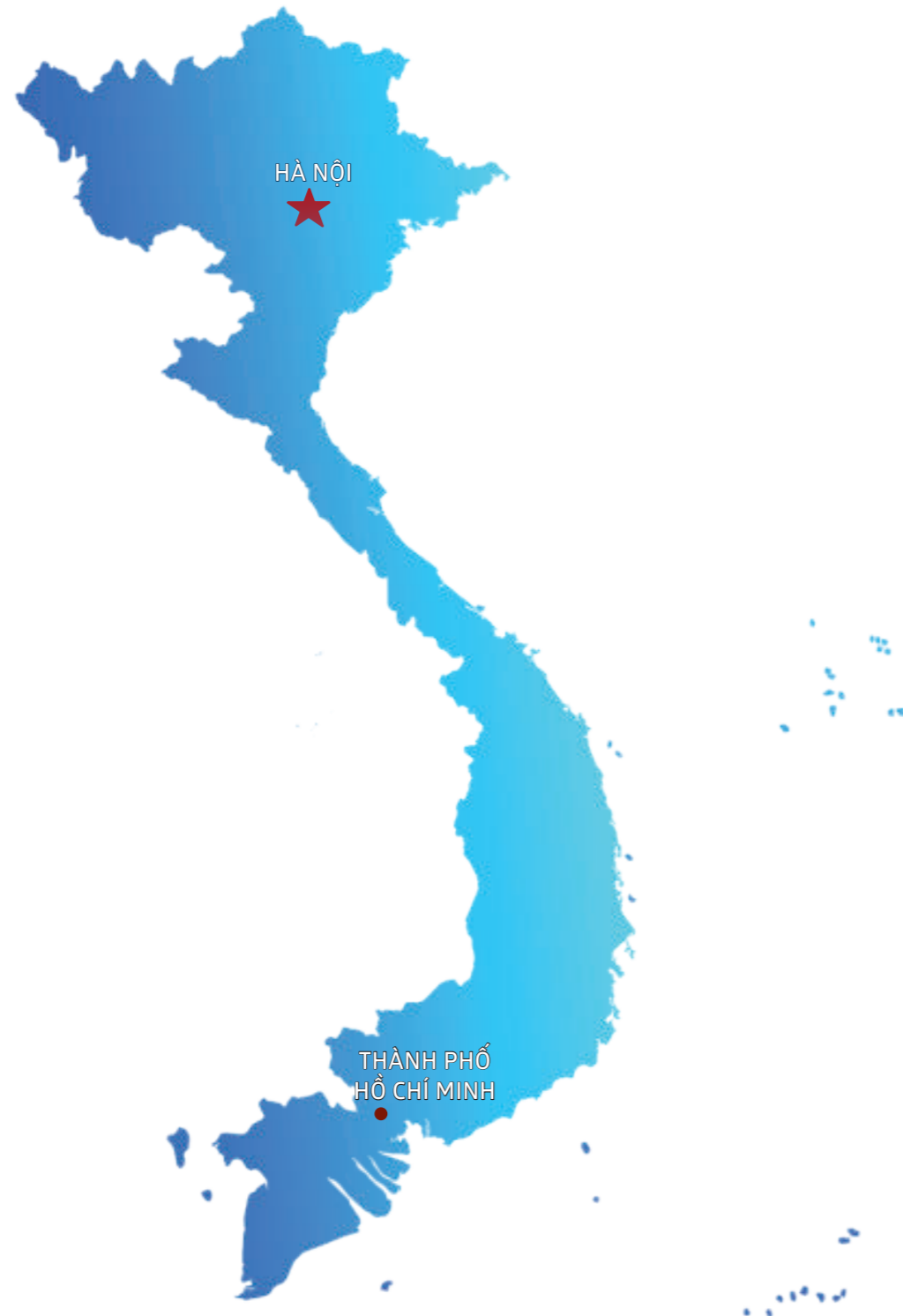
ĐẠI LÝ VÉ MÁY BAY

Trung tâm Dịch vụ, Đại lý vé máy bay Hanoi Toserco là đại lý bán vé chính thức của nhiều hãng hàng không lớn quốc tế như: Singapore Airlines, Cathay Pacific, Thai Airways, Malaysia Airlines, AirAsia, Korean Airlines, Air France... và các hãng hàng không quốc nội như: Vietnam Airlines, Vietjet Air, Jetstar Pacific. Hiện tại, phòng vé của Công ty đang hoạt

động tại địa điểm số 273 Kim Mã, Ba Đình, Hà Nội. Với thể mạnh đội ngũ nhân viên được đào tạo bài bản, giàu kinh nghiệm, phong cách phục vụ chuyên nghiệp với tinh thần trách nhiệm cao, luôn đặt chất lượng dịch vụ làm tiêu chí hàng đầu, Phòng vé Hanoi Toserco ngày càng thu hút được nhiều khách hàng mới và nâng cao hiệu quả kinh doanh.

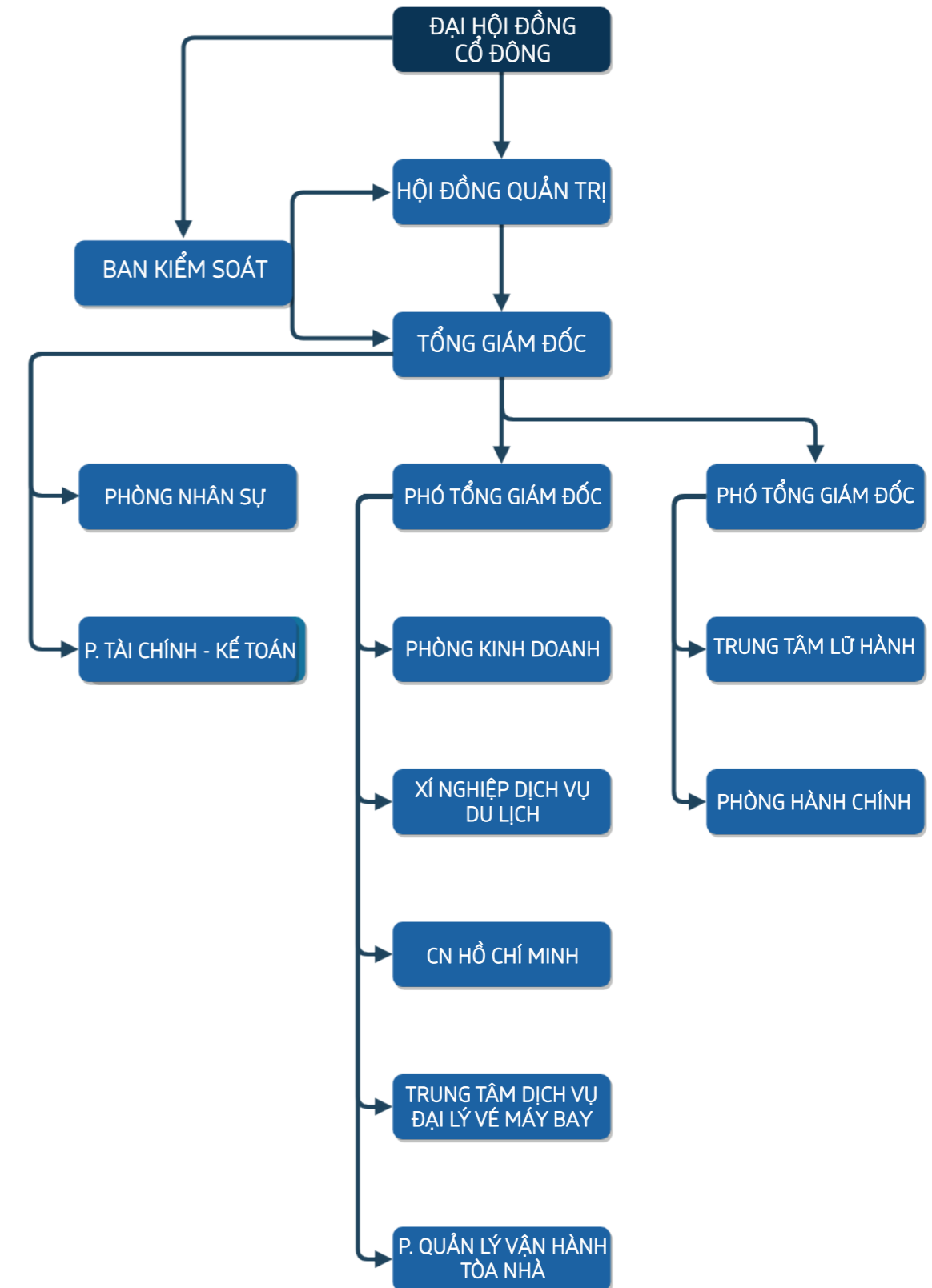
NGÀNH NGHỀ VÀ ĐỊA BÀN KINH DOANH

Công ty có nhiều mảng kinh doanh nằm tại nhiều địa điểm trên địa bàn Thủ đô Hà Nội, trụ sở chính của Công ty tọa lạc tại số 273 Kim Mã, Phường Giảng Võ, Quận Ba Đình, TP. Hà Nội và có 01 chi nhánh nằm tại số 54 Nguyễn Bình Khiêm, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh.



MÔ HÌNH QUẢN TRỊ TỔ CHỨC KINH DOANH VÀ BỘ MÁY QUẢN LÝ

MÔ HÌNH QUẢN TRỊ



MÔ HÌNH QUẢN TRỊ TỔ CHỨC KINH DOANH VÀ BỘ MÁY QUẢN LÝ

ĐỊNH HƯỚNG PHÁT TRIỂN

CƠ CẤU BỘ MÁY QUẢN LÝ

Các công ty con: Không có.

Các công ty liên doanh: Tính đến thời điểm 31/12/2018, Công ty đang có 02 Công ty liên doanh.

CÔNG TY LIÊN DOANH KHÁCH SẠN TNHH HÀ NỘI HOTEL

Địa chỉ: D8 Giảng Võ, quận Ba Đình, Hà Nội

Lĩnh vực sản xuất kinh doanh: Kinh doanh khách sạn

Tỷ lệ sở hữu của Hanoi Toserco 29,58%

CÔNG TY TNHH GLOBAL TOSERCO

Địa chỉ: Số 40 Cát Linh, quận Đống Đa, Hà Nội

Lĩnh vực sản xuất kinh doanh: Kinh doanh khách sạn

Tỷ lệ sở hữu của Hanoi Toserco 35,00%

Các công ty liên kết: Tính đến thời điểm 31/12/2018, Công ty đang có 01 Công ty liên kết.

CÔNG TY CỔ PHẦN DU LỊCH VÀ THƯƠNG MẠI SAO PHƯƠNG ĐÔNG

Địa chỉ: Số 269 Kim Mã, phường Giảng Võ, quận Ba Đình, Hà Nội

Lĩnh vực sản xuất kinh doanh: Kinh doanh khách sạn

Tỷ lệ sở hữu của Hanoi Toserco 40,00%

Các công ty khác: Tính đến thời điểm 31/12/2018, Công ty đang có 01 Công ty liên kết.

CÔNG TY CỔ PHẦN HANOITOURIST TAXI

Địa chỉ: Số 105 Láng Hạ, phường Láng Hạ, quận Đống Đa, Hà Nội

Lĩnh vực sản xuất kinh doanh: Kinh doanh vận tải

Tỷ lệ sở hữu của Hanoi Toserco 5,2%

MỤC TIÊU PHÁT TRIỂN TRUNG, DÀI HẠN

Công ty đạt được vị thế mạnh mẽ ở Việt Nam về kinh doanh, dịch vụ du lịch; có phương pháp quản lý tiên tiến, nâng cao năng lực cạnh tranh và hiệu quả sản xuất kinh doanh.

Nâng cao giá trị cổ phần bằng cách phát triển Công ty toàn diện về mọi mặt, tạo việc làm ổn định và nâng cao thu nhập cho người lao động cũng như lợi tức của các cổ đông và tăng nguồn thu cho ngân sách Nhà nước.

MỤC TIÊU PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG

Phấn đấu tăng trưởng từ 8% - 15%. Đẩy mạnh đầu tư mới và cải tạo, nâng cấp lại hệ thống văn phòng cho thuê, điểm kinh doanh tour du lịch làm cơ sở cho việc đẩy mạnh mở rộng hệ thống kinh doanh dịch vụ.

Mở rộng thêm một số lĩnh vực kinh doanh mới như hợp tác liên doanh, liên kết với các đối tác trong và ngoài nước để góp vốn liên doanh, cổ phần đầu tư phát triển SXKD với nguyên tắc có định hướng, có chọn lọc, hiệu quả đầu tư cao, phù hợp với năng lực, trình độ, cơ sở vật chất và tài chính của Công ty.

CÁC RỦI RO TRONG QUÁ TRÌNH HOẠT ĐỘNG



RỦI RO KINH TẾ

Theo báo cáo của Tổng cục thống kê, năm 2018 là một năm kinh tế có nhiều kỷ lục, điển hình là tăng trưởng GDP đạt mức 7,08%, vượt mức dự báo tăng trưởng kinh tế ở mức 6,3% và cao nhất trong số 10 năm trở lại đây. Thêm vào đó, lạm phát được giữ ở mức bình ổn 3,54%, không chênh lệch quá nhiều so với năm 2017. Những con số ấn tượng khác của nền kinh tế năm 2018 đó là nền kinh tế đạt độ mở 208,6%, GDP bình quân đầu người và năng suất lao động cũng gia tăng. Tuy nhiên, Fed có 04 đợt tăng lãi suất cơ bản đến cuối năm ở mức từ 2.0% - 2.25% trong năm 2018, VND đã bị mất giá so với USD và gây áp lực lên chi phí tour của kinh doanh outbound.

Tựu chung lại, ngành Du lịch là ngành kinh tế tổng hợp, chịu sự ảnh hưởng và rất nhạy cảm với những biến động của các yếu tố vĩ mô khác, đặc biệt là các yếu tố kinh tế. Bên cạnh những rủi ro từ thay đổi tỷ giá hối đoái, sự tăng trưởng tốt của nền kinh tế Việt Nam chính là một dấu hiệu tích cực, báo hiệu tình hình hoạt động kinh doanh của ngành du lịch nói chung và Hanoi Toserco nói riêng sẽ có chuyển biến tốt đẹp.

RỦI RO PHÁP LUẬT

Hiện tại, Công ty đang hoạt động theo mô hình Cổ phần, đăng ký giao dịch trên sàn UPCoM tại Sở giao dịch Chứng khoán Hà Nội và chịu sự điều chỉnh của Luật Doanh nghiệp, Luật Chứng khoán và các văn bản quy phạm pháp luật có liên quan khác.

Ngoài ra, Công ty hoạt động trong ngành Du lịch nên cũng chịu sự điều chỉnh từ Luật Du lịch. Luật Du lịch hiện nay vẫn đang trong quá trình thay đổi và hoàn thiện, có thể kể đến: "Nghị quyết số 08-NQ/TW ra đời năm 2017 – Đưa du lịch thành ngành kinh tế mũi nhọn"; đề án "Cơ cấu lại ngành Du lịch đáp ứng yêu cầu phát triển trở thành ngành kinh tế mũi nhọn" được phê duyệt vào năm 2018; và "Ứng dụng công nghệ thông tin trong lĩnh vực du lịch giai đoạn 2018-2020, định hướng đến năm 2025". Đảng và Nhà nước đã nhận định ngành Du lịch có thể phát triển trở thành một lợi thế quốc gia, thực sự trở thành một ngành kinh tế mũi nhọn và đóng góp tỉ trọng lớn vào GDP của đất nước. Đây vừa là cơ hội vừa là thách thức cho ngành Du lịch lẫn các Công ty du lịch.

RỦI RO THIÊN TAI

Trong năm 2018, ngành du lịch đã bị tác động không ít từ thiên tai đối với kinh doanh inbound lẫn outbound. Những thách thức từ biến đổi khí hậu đã khiến Việt Nam phải chịu ảnh hưởng từ 13 cơn bão và áp thấp nhiệt đới trải dài từ Bắc vào Nam, cùng với nhiều trận lũ lụt và sạt lở khác. Những hoạt động khai thác du lịch tại Việt Nam đều phụ thuộc vào tài nguyên thiên nhiên sẵn có, vậy nên sự biến đổi khí hậu khiến cho ngành du lịch dễ bị tổn thương và ảnh hưởng trực tiếp tới các hoạt động kinh doanh du lịch trong nước.

Các hoạt động khai thác du lịch từ tour quốc tế trong năm 2018 cũng gặp ảnh hưởng bởi động đất ở Nhật Bản, Trung Quốc, Đài Loan, Mỹ..., sóng thần ở Tây Ban Nha, sóng nhiệt kéo dài từ châu Á sang châu Âu, lũ lụt ở Nhật Bản, Trung Quốc, Ấn Độ, và siêu bão trong đó có siêu bão Mangkhut tại Philippines và Trung Quốc.

RỦI RO ĐỐI THỦ CẠNH TRANH

Tiềm năng của ngành Du lịch trong và ngoài nước hiện đang phát huy mạnh mẽ, đồng nghĩa với việc sẽ có thêm nhiều doanh nghiệp tham gia vào lĩnh vực du lịch. Chỉ riêng trong năm 2018 đã có thêm 380 doanh nghiệp được cấp giấy phép kinh doanh lữ hành quốc tế mới.

Trong bối cảnh toàn cầu hóa như hiện nay, ngoài sự cạnh tranh từ các doanh nghiệp trong nước, Công ty phải đối mặt với nhiều sự cạnh tranh từ các doanh nghiệp nước ngoài có tiềm lực mạnh. Cùng với đó là sự phát triển mạnh mẽ của Internet, giúp cá nhân có thể tự tìm hiểu các thông tin về địa điểm, phương tiện,... mà không cần sự trợ giúp của tổ chức tư vấn; ngoài ra, loại hình du lịch bụi được một bộ phận giới trẻ ưa thích ngày càng phát triển. Tất cả những điều này đều ảnh hưởng đến hoạt động kinh doanh của Công ty.



RỦI RO NGÀNH

Mỗi năm, mùa du lịch thường bắt đầu từ tháng 6 đến tháng 8 và trong tháng Giêng âm lịch cùng các ngày lễ lớn. Đây là những tháng cao điểm cho việc du lịch của người dân và mang lại doanh thu cao cho Công ty. Vào các tháng còn lại, đặc biệt các tháng sau hè, tần suất việc đi du lịch của du khách giảm mạnh, doanh thu của Công ty bị tác động không nhỏ.

Ngoài ra, Công ty còn có thể gặp phải rủi ro vào các tháng xảy ra thời tiết xấu tại các địa điểm du lịch. Khi địa điểm du lịch có thời tiết xấu thì lượng khách, lượng tour tham quan sụt giảm, kéo theo sự sụt giảm doanh thu của Công ty.

RỦI RO MÔI TRƯỜNG

Là doanh nghiệp hoạt động trong lĩnh vực dịch vụ, du lịch nên các rủi ro môi trường, dịch bệnh, chiến tranh... Bên cạnh đó, các sự kiện như: hạn hán, lũ lụt, ô nhiễm, dịch bệnh nguy hiểm,... hiếm khi xảy ra nhưng thường xảy ra trên quy mô lớn. Khi xảy ra các sự kiện này, hoạt động du lịch có thể bị ngừng trệ, hoạt động kinh doanh của Công ty bị tác động theo.

TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT KINH DOANH

1. Tổng quan ngành du lịch Việt nam năm 2018
2. Tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh
3. Tổ chức và nhân sự
4. Tình hình đầu tư và thực hiện các dự án
5. Tình hình tài chính
6. Cơ cấu cổ đông, thay đổi vốn đầu tư chủ sở hữu



TỔNG QUAN THỊ TRƯỜNG NGÀNH DU LỊCH NĂM 2018

TỔNG QUAN **NGÀNH DU LỊCH** VIỆT NAM NĂM **2018**

“Ngành du lịch trong năm 2018 đã có sự tăng trưởng vượt bậc cùng với nhiều con số và cột mốc ấn tượng. Theo số liệu của Tổng cục du lịch, doanh thu từ khách du lịch đạt hơn 620,000 tỷ đồng. Mức tăng trưởng ổn định, bình quân tăng trên 15% về cả số lượng khách nội địa và quốc tế. Một cột mốc đáng nhớ chính là lượng du khách quốc tế cán mốc 15 triệu người vào tháng 12, hoàn thành được mục tiêu chung đã được đề ra cho ngành du lịch Việt Nam năm 2018. Ngành du lịch cũng đã phục vụ trên 80 triệu lượt khách nội địa. Tốc độ tăng trưởng khách quốc tế tại Việt Nam cũng đang ở mức mạnh (21%), trong khi những nước cùng khu vực như Thái Lan, Malaysia, hay Singapore không có thay đổi gì đáng kể.

Ngành du lịch trong năm 2018 cũng có nhiều điều kiện thuận lợi hơn để phát triển bởi Thủ tướng Chính phủ đã phê duyệt nhiều đề án trọng điểm, có thể kể đến như: Quỹ hỗ trợ phát triển du lịch; Cơ cấu lại ngành Du lịch đáp ứng yêu cầu phát triển thành ngành kinh tế mũi nhọn; Ứng dụng công nghệ thông tin trong lĩnh vực du lịch giai đoạn 2018-2020, định hướng đến năm 2025.

Cũng trong năm 2018, ngành du lịch nước ta đã diễn ra nhiều sự kiện và nhận được nhiều giải thưởng quan trọng: Tổ chức thành công Diễn đàn cấp cao du lịch lần đầu tiên, được công nhận là điểm đến du lịch hàng đầu khu vực châu Á do World Travel Awards trao tặng và điểm đến Golf hàng đầu châu Á do Golf World Travel Awards trao tặng. Điều này đã khẳng định uy tín và vị thế ngày càng cao của Việt Nam trên trường du lịch quốc tế.

Ngoài ra, các chủ trương phát triển cơ sở hạ tầng cũng được xúc tiến mạnh mẽ, có thể kể đến các dự án như: hệ thống hạ tầng giao thông hiện đại tại Quảng Ninh, các tuyến cao tốc Hạ Long - Vân Đồn, Vân Đồn - Móng Cái hoàn thành và Cảng hàng không quốc tế Vân Đồn đi vào vận hành cuối tháng 12; Cầu Vàng tại Bà Nà Hills, Đà Nẵng vừa được hoàn thành vào năm 2018 cũng thu hút nhiều du khách trong và ngoài nước. Tuy có chuyển biến tích cực về mặt đầu tư cơ sở hạ tầng song đây vẫn là một thách thức cho ngành du lịch Việt Nam bởi cơ sở hạ tầng chưa theo kịp tốc độ phát triển của ngành du lịch.”

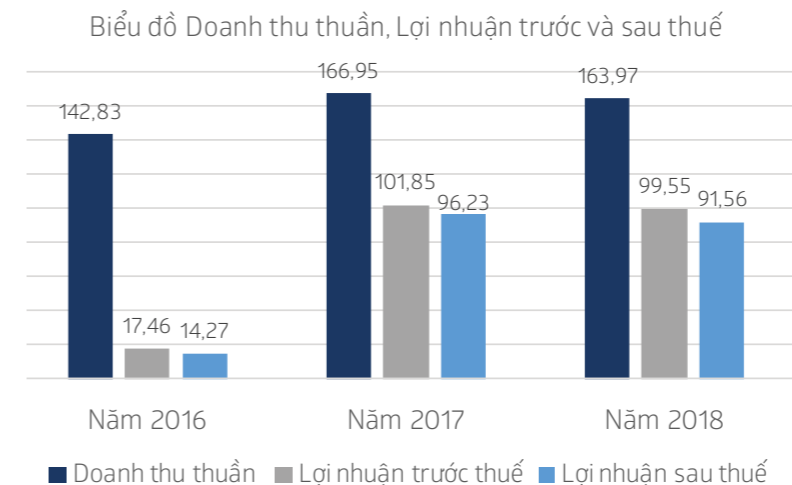


TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT KINH DOANH

TÌNH HÌNH SẢN XUẤT KINH DOANH GIAI ĐOẠN 2016 – 2018

ĐVT: Tỷ đồng

STT	Chỉ tiêu	Năm 2016	Năm 2017	Năm 2018	Năm 2018/2017	Trung bình tăng trưởng 3 năm
1	Doanh thu thuần	142,83	166,95	163,97	98,22%	7,55%
2	Lợi nhuận trước thuế	17,46	101,85	99,55	97,74%	240,49%
3	Lợi nhuận sau thuế	14,27	96,23	91,56	95,15%	284,85%

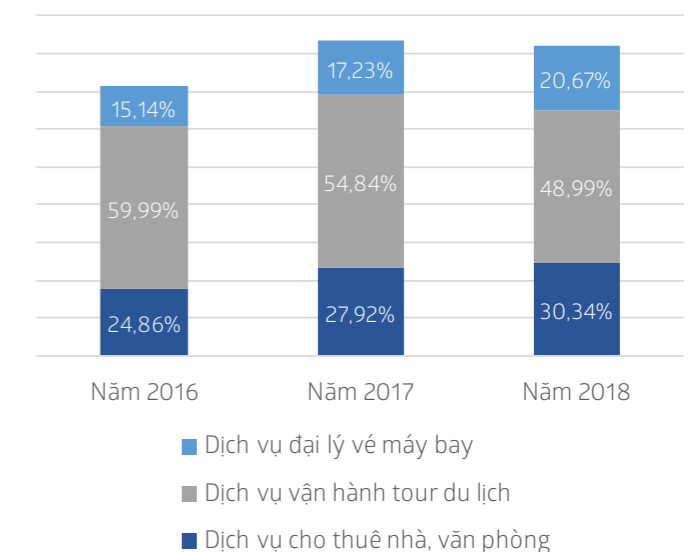


Trong năm 2018, doanh thu thuần đạt 163,97 tỷ đồng; lợi nhuận trước thuế đạt 99,55 tỷ đồng; và lợi nhuận sau thuế đạt 91,56 tỷ đồng. Mặc dù những chỉ tiêu này đã có sự sụt giảm nhẹ so với năm 2017, có thể thấy được trong giai đoạn 2016 – 2018, Công ty đã có tăng trưởng mạnh mẽ về mặt lợi nhuận sau khi thực hiện mô hình cổ phần hóa, cụ thể là mức tăng trưởng trung bình của LNST trong giai đoạn này đạt 284,85%.

Qua một năm, tuy doanh thu thuần giảm nhẹ so với năm 2017, cơ cấu doanh thu trong năm 2018 không có thay đổi gì đáng kể, trong đó:

- Chiếm tỷ trọng lớn nhất lên tới gần 49,00% vẫn là dịch vụ vận hành tour du lịch, đạt 80,33 tỷ đồng, giảm 11,23 tỷ so với năm trước.
- Theo sau đó là dịch vụ cho thuê văn phòng với mức doanh thu là 49,75 tỷ, nhiều hơn năm 2017 3,13 tỷ và chiếm 30,34% doanh thu.
- Cuối cùng là dịch vụ đại lý vé máy bay với doanh thu là 33,9 tỷ, nhiều hơn năm trước 5,13 tỷ và chiếm 20,67% doanh thu thuần.

Cơ Cấu Doanh Thu Qua Các Năm (tỷ đồng)



GIỚI THIỆU BAN LÃNH ĐẠO

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ



Ông NGUYỄN MINH CHUNG
Chủ tịch Hội đồng Quản trị

TRÌNH ĐỘ CHUYÊN MÔN

- Cử nhân Luật
- Cử nhân Kế toán

QUÁ TRÌNH CÔNG TÁC

- 06/2006 – 09/2015: Phó Tổng Giám đốc – Tổng Công ty Du lịch Hà Nội.
- 09/2015 – nay: Chủ tịch HĐQT – Tổng Công ty Du lịch Hà Nội.
- 26/12/2015 – nay: Chủ tịch Hội đồng Quản trị – Hanoi Toserco.



Bà NGUYỄN THỊ NGÀ
Phó Chủ tịch Hội đồng Quản trị

TRÌNH ĐỘ CHUYÊN MÔN

Cử nhân Kinh tế – Đại học Kinh tế Quốc dân

QUÁ TRÌNH CÔNG TÁC

- Đến nay, Bà có hơn 39 năm kinh nghiệm công tác trong lĩnh vực kinh doanh và ngân hàng.
- Năm 2001 – nay, Bà công tác trong các ngân hàng Việt Nam và đều giữ vị trí Chủ tịch/ Phó chủ tịch Hội đồng quản trị.
- 26/12/2015 – nay, Bà giữ vị trí Phó Chủ tịch Hội đồng Quản trị – Hanoi Toserco.



Ông LÊ MINH THÀNH
Phó Chủ tịch Hội đồng Quản trị

TRÌNH ĐỘ CHUYÊN MÔN

Cử nhân Kinh tế

QUÁ TRÌNH CÔNG TÁC

- Ông có hơn 17 năm kinh nghiệm công tác và trải qua nhiều vị trí công tác trong lĩnh vực tài chính như Giám đốc tài chính, Trưởng nhóm tư vấn chiến lược và kiểm toán nội bộ của nhiều công ty, tổ chức.
- 2013 – nay: Vietnam Startup Foundation (NPO) – Thành viên Hội đồng sáng lập.
- 2014 – nay: Công ty CP 184 Hà Nội – Chủ tịch HĐQT.
- 26/12/2015 – nay: Phó Chủ tịch Hội đồng Quản trị – Hanoi Toserco.

GIỚI THIỆU BAN LÃNH ĐẠO



Ông TRẦN NGỌC TIẾN
Thành viên Hội đồng Quản trị
Phó Tổng Giám Đốc

TRÌNH ĐỘ CHUYÊN MÔN

Cử nhân Kinh tế

QUÁ TRÌNH CÔNG TÁC

- 01/1996 – 05/2006: Phó Giám đốc Trung tâm Dịch vụ nhà – Hanoi Toserco.
- 05/2006 – 03/2012: Trưởng phòng Đầu tư & Thẩm định – Hanoi Toserco.
- 03/2012 – 15/03/2016: Phó Tổng giám đốc Công ty, kiêm Giám đốc Trung tâm Nhà và Dịch vụ – Hanoi Toserco
- 15/03/2016 – Nay: Thành viên HĐQT, kiêm Phó Tổng Giám đốc (từ 01/01/2017) – Hanoi Toserco.



Bà NGUYỄN T. THU HẰNG
Thành viên Hội đồng Quản trị

TRÌNH ĐỘ CHUYÊN MÔN

Cử nhân Ngoại ngữ

QUÁ TRÌNH CÔNG TÁC

- 01/04/1993 – 30/09/2008: Bà trải qua các vị trí công tác: Trợ lý Trưởng đại diện, Điều phối viên Dự án, Trưởng phòng Nhân sự – EXE Corporation (Japan).
- 10/2008 – 09/2010: Giám đốc Nhân sự – Tập đoàn ANCO.
- 08/2016 – nay: Phó TGĐ, kiêm Giám đốc khối Hành chính Nhân sự – CTCP Tập đoàn BRG.
- 26/12/2015 – nay: Thành viên HĐQT Hanoi Toserco.



Bà LÊ THANH HÀ
Thành viên Hội đồng Quản trị

TRÌNH ĐỘ CHUYÊN MÔN

Cử nhân Kinh tế du lịch
Cử nhân Luật

QUÁ TRÌNH CÔNG TÁC

- Bà đã có gần 30 năm kinh nghiệm công tác trong ngành Khách sạn và Du lịch.
- 03/2014 – 06/2017: Phó Phòng Đầu tư phát triển – Tổng công ty Du lịch Hà Nội
- 07/2017 – nay: Công ty TNHH Global Toserco – Phó Tổng Giám đốc thứ nhất.
- 26/12/2015 – nay: Thành viên HĐQT – Hanoi Toserco.



Bà VŨ T. QUỲNH TRANG
Thành viên Hội đồng Quản trị

TRÌNH ĐỘ CHUYÊN MÔN

Cử nhân Kinh tế

QUÁ TRÌNH CÔNG TÁC

- 1999 – 2003: Phụ trách nhóm kiểm toán Công ty Tư vấn Tài chính và Kiểm toán Grant Thornton (Vietnam) Ltd.
- 2003 – 2006: Kế toán tổng hợp – Sở Kế hoạch và Đầu tư TP Hà Nội
- 2006 – 05/2011: Phó Giám đốc – Phụ trách dịch vụ Kế toán và Thuế – Công ty Cổ phần Tập đoàn Nguồn lực Việt.
- 06/2011 – nay: Trưởng phòng Kiểm soát nội bộ – CTCP Tập đoàn BRG
- 26/06/2017 – nay: Thành viên HĐQT – Hanoi Toserco.

GIỚI THIỆU BAN LÃNH ĐẠO

BAN GIÁM ĐỐC



Ông
NGUYỄN KIM HÀ
Tổng Giám đốc

TRÌNH ĐỘ CHUYÊN MÔN
Cử nhân Ngoại ngữ

QUÁ TRÌNH CÔNG TÁC

- 01/09/017 – 01/10/2017: Phó Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Du lịch Dịch vụ Hà Nội.
- 01/10/2017 – nay: Tổng Giám đốc – Hanoi Toserco.



Ông
TRỊNH MINH TÚ
Phó Tổng Giám Đốc

TRÌNH ĐỘ CHUYÊN MÔN
Cử nhân Quản trị Kinh doanh

QUÁ TRÌNH CÔNG TÁC

- 2002-08/2005: Nhân viên Khách sạn BSC – Hanoi Toserco.
- 08/2005 – 04/2007: Nhân viên Phòng Đầu tư & Thẩm định – Hanoi Toserco
- 04/2007-08/2009: Phó phòng Phòng Tổ chức hành chính – Hanoi Toserco
- 08/2009 – 02/2012: Giám đốc Trung tâm Lữ hành – Hanoi Toserco
- 03/2012 – 04/2018: Phó Tổng Giám đốc Công ty; kiêm Giám đốc Trung tâm Lữ hành – Hanoi Toserco
- 04/2018 – nay: Phó Tổng Giám đốc – Hanoi Toserco.



Ông
TRẦN NGỌC TIẾN
Thành viên Hội đồng Quản trị
Phó Tổng Giám Đốc

(Xem thông tin đã trình bày ở mục thành viên HĐQT)

GIỚI THIỆU BAN LÃNH ĐẠO

BAN KIỂM SOÁT



Ông
TRẦN XUÂN SƠN
Trưởng Ban kiểm soát

TRÌNH ĐỘ CHUYÊN MÔN
Cử nhân Kinh tế

QUÁ TRÌNH CÔNG TÁC

- 04/1999 – 03/2007: Kế toán viên Phòng Kế toán – Hanoi Toserco.
- 04/2007 – 08/2009: Phó phòng Phòng Đại lý vé Máy bay – Hanoi Toserco.
- 08/2009 – 05/2013: Phó phòng Tài vụ kế hoạch Công ty, kiêm Phụ trách Kế toán Trung tâm lữ hành – Hanoi Toserco.
- 06/2013 – 25/08/2013: Phó Giám đốc Trung tâm lữ hành – Hanoi Toserco
- 26/08/2013 – 14/03/2016: Kiểm soát viên – Công ty TNHH MTV Du lịch Dịch vụ Hà Nội
- 15/03/2016 – nay: Trưởng ban Kiểm soát – Hanoi Toserco.



Bà
ĐÀO THỊ HIỀN
Thành viên Ban Kiểm soát

TRÌNH ĐỘ CHUYÊN MÔN

- Cử nhân Kế toán
- Thạc sỹ Tài chính – Ngân hàng.

QUÁ TRÌNH CÔNG TÁC

- 26/12/2015 – nay: Thành viên ban Kiểm soát Công ty Cổ phần Du lịch Dịch vụ Hà Nội
- 10/2008 – 08/2013: Công ty TNHH Yến Ngọc
- 09/2013 đến nay: Chuyên viên Ngân hàng TMCP Nam Á kiêm trưởng BKS CTCP Trà Rồng vàng
- 26/12/2015 – nay: Thành viên Ban Kiểm soát –Hanoi Toserco.



Bà
NGUYỄN THỊ HIỀN
Thành viên Ban Kiểm soát

TRÌNH ĐỘ CHUYÊN MÔN

- Cử nhân

QUÁ TRÌNH CÔNG TÁC

- 01/07/2010 – 31/12/2013: Kiểm toán viên - Công ty TNHH Kiểm toán Hùng Vương
- 05/01/2014 – 30/04/2015: Kiểm soát viên nội bộ - CTCP Thực phẩm sữa TH (TH True Milk).
- 04/2015 – 31/12/2018: Chuyên viên Kiểm soát nội bộ - CTCP Tập đoàn BRG.
- 1/2019 – nay: Phó phòng Kiểm soát BĐS & XD - CTCP Tập đoàn BRG.
- 04/09/2018 – nay: Thành viên Ban Kiểm soát – Hanoi Toserco.

GIỚI THIỆU BAN LÃNH ĐẠO

NHỮNG THAY ĐỔI NHÂN SỰ TRONG NĂM

- Bà Nguyễn Hồng Diêu thôi là thành viên BKS Công ty cho thời gian còn lại của nhiệm kỳ 2016 – 2020.
- Bà Nguyễn Thị Hiền được bầu làm thành viên của BKS Công ty cho thời gian còn lại nhiệm kỳ 2016 – 2020.

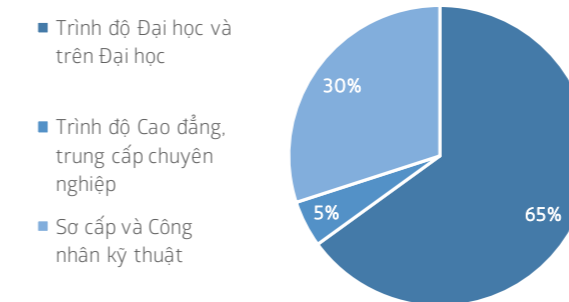
TỔ CHỨC VÀ NHÂN SỰ

THỐNG KÊ NHÂN SỰ

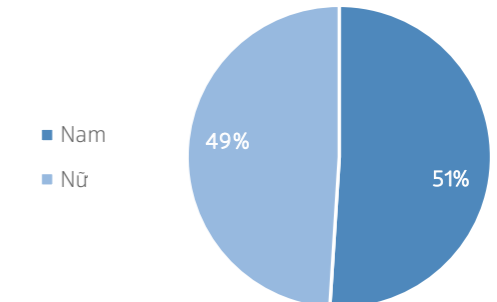
STT	Tiêu chí	Số lượng 2017 (người)	Số lượng 2018 (người)	Tỷ trọng 2018 (%)
I Theo trình độ lao động				
1	Trình độ Đại học và trên Đại học	70	65	65%
2	Trình độ Cao đẳng, trung cấp chuyên nghiệp	5	5	5%
3	Sơ cấp và Công nhân kỹ thuật	33	30	30%
4	Lao động phổ thông	1		
II Theo đối tượng lao động				
1	Lao động trực tiếp	64	56	56%
2	Lao động gián tiếp	45	44	44%
III Theo giới tính				
1	Nam	54	51	51%
2	Nữ	55	49	49%
IV Theo độ tuổi				
1	Dưới 25			0%
2	Từ 25-35	8	6	6%
3	Trên 35	101	94	94%
V Theo thời gian làm việc tại công ty				
1	Từ 0-2 năm	9	5	5%
2	Từ 2-5 năm	2	1	1%
3	Từ 5-10 năm	3	4	4%
4	Trên 10 năm	95	90	90%
Tổng cộng		109	100	100%

TỔ CHỨC VÀ NHÂN SỰ

Cấu trúc nhân sự theo trình độ lao động năm 2018



Cấu trúc nhân sự theo tỷ lệ nam nữ năm 2018



THỐNG KÊ LAO ĐỘNG

STT	Tiêu chí	2014	2015	2016	2017	2018
1	Số lượng lao động (người)	162	128	121	109	100
2	Thu nhập/lương trung bình (triệu đồng/người/tháng)				9	9,5

CHÍNH SÁCH ĐỐI VỚI NGƯỜI LAO ĐỘNG

Đối với Hanoi Toserco, nguồn nhân lực là nhân tố nền tảng cho sự phát triển, và là tài sản quý giá của Công ty. Chính vì vậy, Công ty đã xây dựng và phát triển những chính sách hợp lý dành cho người lao động nhằm tối ưu hóa vai trò của nguồn nhân lực trong sản xuất kinh doanh.

Chính sách đào tạo và tuyển dụng

Trong bối cảnh thế giới hội nhập, thị trường kinh doanh dịch vụ du lịch ngày càng cạnh tranh và phát triển, Công ty đã ý thức được lượng lao động là nguồn lực thiết yếu, không thể thiếu trong quá trình phát triển. Đặc biệt, trong ngành du lịch dịch vụ, trình độ và thái độ phục vụ của nhân viên là yếu tố quyết định để giữ chân khách hàng và thu hút khách mới. Chính vì vậy, Hanoi Toserco cần lực lượng lao động phải đáp ứng được các tiêu chí như: Thái độ tích cực, đúng đắn trong công việc; kỹ năng mềm mềm trong giao tiếp, xử lý tình huống; ngoài ra còn có các kiến thức về văn hóa, đặc điểm vùng miền đất nước, điểm đến của các tour du lịch,... cũng là những

tiêu chí quan trọng trong khâu tuyển dụng. Để có đội ngũ nhân viên chất lượng, đáp ứng được các yêu cầu công việc, Công ty thường xuyên xây dựng kế hoạch tuyển dụng, đề ra những chủ trương đào tạo và sử dụng lao động một cách hợp lý.

Chính sách tuyển dụng

Mục tiêu tuyển dụng của Công ty là thu hút người lao động có năng lực vào làm việc, đáp ứng tốt các yêu cầu công việc. Tùy thuộc vào từng vị trí công việc, Công ty xây dựng những tiêu chuẩn quy định phù hợp. Chính sách tuyển dụng của Công ty không phân biệt giới tính và địa vị, phù hợp với các quy định của Nhà nước.

Việc tuyển dụng, đào tạo và sử dụng cán bộ, nhân viên có hiệu quả cùng với công tác quy hoạch cán bộ theo cơ chế hiện đại để những người trẻ tuổi có điều kiện phát triển. Đầu tư nâng cao năng lực đội ngũ quản lý, năng lực điều hành và trình độ chuyên môn. Tuyển dụng và giữ chân những nhân viên có trình độ năng lực công tác, trang bị cho các nhân viên những nguồn lực cần thiết để hoàn thành tốt nhiệm vụ được giao.

TỔ CHỨC VÀ NHÂN SỰ

CHÍNH SÁCH ĐỐI VỚI NGƯỜI LAO ĐỘNG

Chính sách đào tạo

Công ty luôn chú trọng việc đẩy mạnh các hoạt động đào tạo, bồi dưỡng, đặc biệt là nắm bắt các yêu cầu về kỹ năng tác nghiệp để hoàn thành tốt công việc được giao. Hanoi Toserco có nhiều chính sách hỗ trợ tài chính cũng như tạo điều kiện về thời gian cho người lao động tham gia các chương trình đào tạo. Nhân viên công ty thường xuyên được tham gia các khóa đào tạo tại chỗ, hay các khóa tập huấn ngắn hạn. Ví dụ như: định kỳ hàng năm phối hợp với các cơ quan chức năng tổ chức các chương trình tập huấn PCCC, tập huấn VS -ATLĐ tại Công ty; tham gia các lớp tập huấn chuyên môn nghiệp vụ do các cơ quan/ban/ngành tổ chức để cập nhật thông tin, kiến thức phục vụ yêu cầu công việc.



Chế độ làm việc

Cán bộ, nhân viên của Công ty có chế độ làm việc 8 tiếng/ngày và được nghỉ các ngày lễ, Tết theo quy định của pháp luật. Công ty trang bị đầy đủ các trang thiết bị, trang phục, bảo hộ lao động để đáp ứng yêu cầu công việc. Công ty luôn quan tâm và đảm bảo môi trường làm việc an toàn, chuyên nghiệp và năng động cho nhân viên. Bên cạnh đó, vào các dịp như: ngày Quốc tế Phụ nữ, ngày Phụ nữ Việt Nam,... Công ty đều tổ chức các hoạt động kỷ niệm, tặng quà cho cán bộ, nhân viên.

Bên cạnh đó, công ty thường xuyên tham gia các hoạt động văn nghệ, hội thao, vừa để tăng cao sự đoàn kết giữa các cán bộ nhân viên, vừa là cơ hội rèn luyện thể chất, thể hiện tài năng của người lao động.



Chính sách lương, thưởng, phúc lợi

Công ty đã xây dựng quy chế trả lương, khoản lợi nhuận đối với các đơn vị kinh doanh. Việc áp dụng chính sách năng suất cho các đơn vị kinh doanh nhằm tạo động lực cho người lao động và nâng cao tính cạnh tranh. Hàng năm, ngoài thưởng cho người lao động tháng lương thứ 13, Công ty còn thưởng vào các ngày lễ, Tết khác.

Chính sách trợ cấp, bảo hiểm

Công ty thực hiện đúng và đủ nghĩa vụ đóng bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp cho cán bộ, nhân viên. Ngoài ra, hàng năm, Công ty còn có tổ chức khám sức khỏe định kỳ, tổ chức nghỉ mát cho cán bộ, công nhân viên của Công ty.

TÌNH HÌNH ĐẦU TƯ VÀ PHÁT TRIỂN CÁC DỰ ÁN

Hiện tại, Hanoi Toserco hiện đang là cổ đông lớn nhất của Công ty TNHH Global Toserco - sở hữu khách sạn 5 sao Pullman với tỉ lệ sở hữu 35% tổng số cổ phần, và Công ty Liên doanh Khách sạn TNHH Hà Nội Hotel với tỉ lệ 29,58% cổ phần. Hanoi Toserco hiện sở hữu 40% cổ phần của CTCP Du lịch và Thương mại Sao Phương Đông,



TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH

TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH TRONG NĂM 2018

STT	Chỉ tiêu	ĐVT	Năm 2017	Năm 2018	Biến động	% Tăng trưởng
1	Tổng giá trị tài sản	Tỷ đồng	902,03	911,13	9,10	1,01%
2	Doanh thu thuần	Tỷ đồng	166,95	163,97	(2,98)	-1,79%
3	Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh	Tỷ đồng	101,78	99,42	(2,36)	-2,32%
4	Lợi nhuận khác	Tỷ đồng	0,07	0,13	0,06	97,44%
5	Lợi nhuận trước thuế	Tỷ đồng	101,85	99,55	(2,30)	-2,26%
6	Lợi nhuận sau thuế	Tỷ đồng	96,23	91,56	(4,66)	-4,85%

CÁC CHỈ TIÊU TÀI CHÍNH CƠ BẢN

Các chỉ tiêu	ĐVT	Năm 2016	Năm 2017	Năm 2018	Thay đổi năm 2017 - 2018
1. Chỉ tiêu về khả năng thanh toán					
- Hệ số thanh toán hiện hành	lần	2,73	10,95	11,60	0,65
- Hệ số thanh toán nhanh	lần	2,73	10,94	11,59	0,65
2. Cơ cấu tài sản					
- Tài sản ngắn hạn/Tổng tài sản	%	59,78	53,88	59,58	5,70
- Tài sản dài hạn/Tổng tài sản	%	40,22	46,12	40,19	-5,93
3. Cơ cấu nguồn vốn					
- Nợ phải trả/Tổng nguồn vốn	%	21,87	4,92	5,71	0,79
- Vốn chủ sở hữu/Tổng nguồn vốn	%	78,13	95,08	94,29	-0,79
4. Chỉ tiêu về khả năng sinh lời					
- Hệ số lợi nhuận sau thuế/Doanh thu thuần (ROS)	%	9,99	57,64	55,84	-1,80
- Hệ số lợi nhuận sau thuế/Vốn CSH (ROE)	%	1,87	11,22	10,66	-0,56
- Hệ số lợi nhuận sau thuế/Tổng TS (ROA)	%	1,47	10,67	10,05	-0,62
- Hệ số lợi nhuận từ hoạt động KD/ Doanh thu thuần	%	11,95	60,97	60,63	-0,33

CƠ CẤU CỔ ĐÔNG, THAY ĐỔI VỐN ĐẦU TƯ CỦA CHỦ SỞ HỮU

THÔNG TIN CỔ PHẦN

Vốn điều lệ của công ty	748.000.000.000 đồng
Mệnh giá 1 cổ phiếu	10.000 đồng
Khối lượng cổ phiếu niêm yết	74.800.000 cổ phiếu
Khối lượng cổ phiếu đang lưu hành	74.798.000 cổ phiếu
Số cổ phiếu quỹ	2.000 cổ phiếu
Giá trị vốn hóa trên thị trường	1.391 tỷ đồng

CƠ CẤU CỔ ĐÔNG

STT	Đối tượng	Số lượng Cổ phiếu	Tỷ lệ sở hữu/VĐL (%)
1	Cổ đông Nhà nước	33.803.000	45,19
2	Cổ đông sáng lập		
	- Trong nước	0	0,00
	- Nước ngoài	0	0,00
3	Cổ đông lớn (sở hữu ≥ 5% vốn CP)		
	- Trong nước	36.745.800	49,13
	- Nước ngoài	0	0,00
4	Cổ đông khác		
	- Trong nước	4.251.200	5,68
	- Nước ngoài	0	0,00
TỔNG CỘNG		74.800.000	100

(Các số liệu trong bảng biểu được tổng hợp theo DS chốt tại ngày 30/10/2018)

BÁO CÁO VÀ ĐÁNH GIÁ CỦA BAN GIÁM ĐỐC

1. Đánh giá tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh
2. Tình hình tài chính năm 2018
3. Đánh giá thành tựu, tiến bộ của Công ty năm 2018
4. Kế hoạch hoạt động và các chỉ tiêu năm 2019

TỔNG QUAN VỀ NỀN KINH TẾ VÀ NGÀNH DU LỊCH

“ Năm 2018 là một năm mang lại cho nền kinh tế Việt Nam nhiều dấu ấn ấn tượng, trong đó phải kể đến tăng trưởng GDP đạt 7,08%, mức cao nhất trong vòng 11 năm qua. Chất lượng tăng trưởng và hiệu quả kinh tế được cải thiện rõ nét, thể hiện ở nhiều yếu tố như sau:

- Năng suất lao động của Việt Nam đã có tiến triển rõ rệt, tăng đều qua thời gian, biến Việt Nam trở thành quốc gia có tốc độ tăng trưởng năng suất lao động cao trong khu vực ASEAN.

- Hiệu quả sử dụng vốn đầu tư đang có chuyển biến tích cực và có thể quan sát được qua chỉ số ICOR – từ mức 6,42 năm 2016, giảm xuống còn 6,11 năm 2017, và ước tính sẽ là 5,97 trong năm 2018. Bình quân chỉ số ICOR giai đoạn 2016 – 2018 ở mức 6,17 thấp hơn mức 6,25 của giai đoạn 2011 – 2015.

- Nền kinh tế ngày càng được mở rộng, tổng kim ngạch xuất nhập khẩu hàng hóa và dịch vụ năm

2018 so với GDP đạt 208,6%. Điều này có nghĩa Việt Nam đã tận dụng được thế mạnh của kinh tế nước nhà và tiềm năng của thị trường quốc tế.

- Cơ cấu kinh tế của Việt Nam đang có những thay đổi về tỷ trọng theo hướng nghiêng về ngành công nghiệp, xây dựng và dịch vụ.

Đối với ngành du lịch nói riêng, kết quả đạt được trong năm 2018 rất ấn tượng. Số lượng khách quốc tế tới Việt Nam đã cán mốc kỷ lục 15,5 triệu lượt người, vượt 19,9% so với năm 2017. Sự phát triển mạnh mẽ của ngành du lịch những năm gần đây đã góp phần khẳng định những chính sách của Đảng và Chính phủ nhằm biến ngành du lịch trở thành một ngành kinh tế mũi nhọn đã và đang được xúc tiến mạnh mẽ, có hiệu quả rõ rệt. Ngành du lịch hứa hẹn sẽ đóng góp một phần lớn vào GDP nước nhà, cụ thể là 5,9% vào năm 2017 và dự đoán là 6,7% vào năm 2018. ”

(Theo Tổng cục Thống kê)

ĐÁNH GIÁ KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT KINH DOANH

KẾT QUẢ THỰC HIỆN NĂM 2018

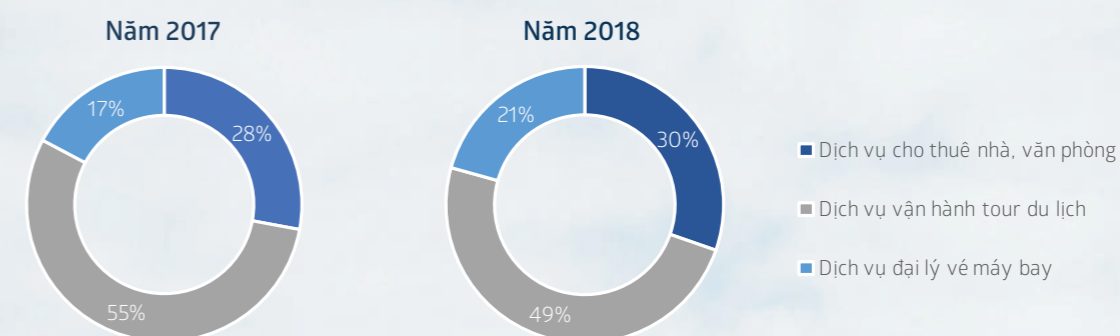
ĐVT: Tỷ đồng						
STT	Chỉ tiêu	Kế hoạch năm 2018	Thực hiện năm 2018	% Thực hiện/ Kế hoạch 2018	Thực hiện năm 2017	Năm 2018/2017
1	Doanh thu thuần	174,03	163,97	94,22%	166,95	98,21%
2	Lợi nhuận trước thuế	79,97	99,55	124,48%	101,85	97,74%
3	Lợi nhuận sau thuế	75,48	91,56	121,30%	96,23	95,15%

Kết quả thực hiện kế hoạch đầu năm của Công ty như sau:

- Doanh thu thuần đạt 163,97 tỷ đồng, thấp hơn 2% so với năm 2017 và tương ứng với 94,22% kế hoạch.
- Lợi nhuận trước thuế đạt 99,55 tỷ đồng, thấp hơn 2,26% so với năm 2017, tuy nhiên vượt 24,48% so với kế hoạch.
- Lợi nhuận sau thuế đạt 91,56 tỷ đồng, thấp hơn 4,85% so với năm 2017, tuy nhiên vượt 21,30% so với kế hoạch.

Nguyên nhân cho sự sụt giảm của doanh thu thuần và lợi nhuận trong năm 2018 so với năm 2017 là bởi doanh thu từ các hoạt động tài chính giảm. Tuy doanh thu thuần có giảm nhẹ, mức lợi nhuận sau thuế của

Cơ cấu doanh thu của Công ty



TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH NĂM 2018

TÌNH HÌNH TÀI SẢN

STT	Chỉ tiêu	Năm 2017		Năm 2018		% 2018/2017
		Giá trị (tỷ đồng)	Tỷ trọng (%)	Giá trị (tỷ đồng)	Tỷ trọng (%)	
1	Tài sản ngắn hạn	486,05	53,88%	544,91	59,81%	112,11%
2	Tài sản dài hạn	415,98	46,12%	366,22	40,19%	88,04%
A	Tổng tài sản	902,03	100,00%	911,13	100,00%	101,01%
1	Nợ phải trả	44,39	4,92%	52,04	5,71%	117,23%
	Nợ ngắn hạn	44,39	4,92%	46,97	5,16%	105,81%
	Nợ dài hạn		0,00%	5,076	0,56%	-
2	Vốn chủ sở hữu	857,64	95,08%	859,08	94,29%	100,17%
B	Tổng nguồn vốn	902,03	100,00%	911,13	100,00%	101,01%

Nhận xét: Tổng tài sản của doanh nghiệp trong năm 2018 đạt 911,13 tỷ đồng, tăng 1,01% so với năm 2017. Cơ cấu tài sản trong từ 2017 – 2018 có biến đổi nhẹ: tỷ trọng của tài sản ngắn hạn từ tăng 53,88% lên gần 59,81% tổng tài sản.

TÌNH HÌNH NỢ PHẢI TRẢ

Nợ dài hạn

Tính đến cuối năm 2018, dài hạn có giá trị là 5,08 tỷ đồng, tương đương với 9,75 nợ phải trả và 0,56% tổng nguồn vốn. So với thời điểm đầu năm, giá trị của nợ dài hạn đã giảm 32,9 tỷ.

Nợ ngắn hạn

Nợ ngắn hạn chiếm tỷ trọng rất lớn trong cơ cấu tổng nợ phải trả. Đến thời điểm 31/12/2018, nợ ngắn hạn có giá trị là 46,97 tỷ đồng, tăng 11,58 tỷ đồng so với năm 2017, chiếm 90,25% nợ phải trả và 5,15% tổng nguồn vốn.

KẾ HOẠCH HOẠT ĐỘNG NĂM 2019

CÁC CHỈ TIÊU KẾ HOẠCH NĂM 2019

Nền kinh tế thế giới năm 2019 được dự báo sẽ có đà tăng trưởng chậm lại khi không ít quốc gia đang siết chặt hơn các chính sách tiền tệ, cùng với tình hình căng thẳng trong cuộc chiến thương mại Mỹ – Trung. Ngoài ra, các nền kinh tế lớn sẽ có thể phải đối mặt với thêm nhiều thách thức về chính trị, biến động về tỷ giá và lãi suất, rủi ro trên thị trường tài chính và tiền tệ gia tăng. Có thể thấy rằng, nền kinh tế thế giới năm 2019 vẫn đang tiềm ẩn nhiều nguy cơ.

Trong bối cảnh đó, GDP Việt Nam được dự đoán sẽ tiếp tục giữ mức tăng trưởng cao trong năm 2019 nhưng có thể sẽ thấp hơn mức kỷ lục 7,08% của năm 2018. Tỷ lệ lạm phát năm 2019 được dự báo ở mức

4 – 4,5% và chịu tác động không nhỏ từ diễn biến giá hàng hóa có thể tăng cao. Tuy nhiên, đầu tư nước ngoài vào Việt Nam hiện có xu hướng tăng cao và chủ yếu ở lĩnh vực xây dựng và sản xuất, hơn nữa còn được dự báo sẽ tiếp tục tăng trong thời gian tới. Đây là một tín hiệu tốt để kinh tế Việt Nam đạt được mức tăng trưởng như kỳ vọng, thêm nhiều cơ hội mở rộng cho các cơ sở sản xuất, và những ngành kinh tế được xác định là ngành mũi nhọn mới như du lịch tiếp tục tăng trưởng mạnh.

Trước tình hình thách thức và cơ hội nêu trên, Hội đồng quản trị và Ban Điều hành Công ty định hướng kết quả kinh doanh năm 2019 như sau:

STT	Chỉ tiêu	ĐVT	TH 2018	KH 2019
1	Doanh thu thuần	Triệu đồng	163.965	168.370
2	Lợi nhuận trước thuế	Triệu đồng	99.551	82.967



BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

1. Đánh giá của HĐQT về các mặt hoạt động của Công ty
2. Báo cáo giám sát của HĐQT đối với Ban Tổng Giám đốc Công ty
3. Các kế hoạch định hướng của HĐQT năm 2019

ĐÁNH GIÁ CHUNG VỀ NỀN KINH TẾ VÀ NGÀNH DU LỊCH

“**KINH TẾ VĨ MÔ năm 2018** được đánh giá là tốt nhất trong vòng 10 năm qua, có thể thấy ở mức tăng trưởng GDP đạt mức 7,08% và CPI bình quân được giữ dưới mức 4%. Một trong những thành tựu nổi bật của kinh tế - xã hội năm 2018 đó chính là kinh tế vĩ mô tiếp tục được duy trì ổn định, tạo nền tảng quan trọng để thực hiện cơ cấu nền kinh tế, thúc đẩy phát triển các ngành, lĩnh vực.

Chất lượng tăng trưởng và môi trường đầu tư kinh doanh đang dần được cải thiện, và hiệu quả kinh tế được nâng cao rõ nét. Tăng trưởng kinh tế dần chuyển dịch theo chiều sâu. Năng suất lao động tăng đều qua các năm, riêng năm 2018 đã tăng 93% so với năm 2017. Hiệu quả sử dụng vốn đầu tư cũng đang có biến chuyển tốt, thể hiện ở chỉ số ICOR. Chỉ số này vào năm 2018 ước tính là 5,97, thấp hơn bình quân 6,17 của giai đoạn 2016 – 2018. Độ mở của kinh tế ngày càng lớn, tổng kim ngạch xuất khẩu hàng hóa và dịch vụ cao hơn GDP 108,6%, chứng tỏ Việt Nam đang đi đúng hướng trong việc khai thác tiềm lực kinh tế trong nước và thị trường thế giới. Cơ cấu kinh tế cũng đang chuyển dịch, tập trung hơn vào các ngành công nghiệp, xây dựng và dịch vụ.

NGÀNH DU LỊCH VIỆT NAM đã có nhiều con số ấn tượng trong năm 2018. Theo thống kê cho thấy, ngành du lịch đã đóng góp 5,9% vào GDP năm 2017 và ước tính con số đó sẽ tăng lên 6,7% trong năm 2018. Một con số ấn tượng khác trong năm của ngành du lịch đó là ngành đã cán mốc chỉ tiêu đạt 15 triệu lượt khách du lịch quốc tế.

Sự phát triển của du lịch lữ hành đang đón nhận nhiều quan tâm hơn từ phía Đảng và Nhà nước kể từ khi ngành du lịch được xác định sẽ trở thành một ngành kinh tế mũi nhọn mới, đóng góp phần lớn vào GDP nước nhà. Những chính sách tái cấu trúc ngành du lịch, các chiến lược phát triển, quỹ phát triển, ứng dụng công nghệ thông tin vào ngành du lịch và đẩy mạnh quảng bá du lịch đang được xúc tiến mạnh mẽ.

Tận dụng những ưu thế từ nguồn tự nhiên vốn có, Việt Nam tự hào là một trong những điểm du lịch thu hút nhất trong Đông Nam Á và đang dần khẳng định vị thế vững vàng trên trường quốc tế. Điều đó được chứng minh qua nhiều giải thưởng quốc tế uy tín mà đất nước đã đạt được trong lĩnh vực du lịch. Các hoạt động quảng bá cũng được chủ trương thúc đẩy mạnh mẽ, ví dụ như tham gia các hội chợ du lịch quốc tế uy tín, tổ chức các chương trình phát động thị trường du lịch tại các thị trường trọng điểm như: Tây Âu, Nga và Đông Âu, Trung Quốc, Nhật Bản, Hàn Quốc, Úc – New Zealand và ASEAN.”

ĐÁNH GIÁ VỀ CÁC MẶT HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY

VỀ HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT KINH DOANH

Đánh giá khái quát:

Nhìn chung, trong năm 2018, tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty tương đối tốt. Tuy doanh thu thuần chỉ đạt mức 163,97 tỷ đồng tương ứng với 94,22% kế hoạch, lợi nhuận trước thuế và sau thuế đều đạt và vượt mức kế hoạch đã đề ra trong năm 2018.

Kết quả cụ thể:

ĐVT: Tỷ đồng				
STT	Chỉ tiêu	Kế hoạch năm 2018	Thực hiện năm 2018	% Thực hiện/Kế hoạch 2018
1	Doanh thu thuần	174,03	163,97	94,22%
2	Lợi nhuận trước thuế	79,97	99,55	124,48%
3	Lợi nhuận sau thuế	75,48	91,56	121,30%

Lợi nhuận trước thuế và lợi nhuận sau thuế của Công ty trong năm 2018 đều cao hơn kỳ vọng đầu năm, trong đó: lợi nhuận trước thuế đạt 99,55 tỷ đồng, vượt 24,48% so với kế hoạch; lợi nhuận sau thuế đạt 91,56 tỷ đồng, vượt 21,30% so với kế hoạch. Phần lớn lợi nhuận của Công ty đến từ các khoản đầu tư tài chính nắm giữ đến ngày đáo hạn.

VỀ HOẠT ĐỘNG TỔ CHỨC – NHÂN SỰ



Công ty đã đáp ứng được chất lượng dịch vụ ngày càng cao về chính sách, quy mô, nhân sự nhằm duy trì và phát triển cùng các đối tác. Các công tác nhân sự ngày càng phát huy được hiệu quả phù hợp với yêu cầu phát triển của Công ty.

Công ty đã phấn đấu giữ vững được sự ổn định, đoàn kết của cán bộ nhân viên trong lao động sản xuất; không ngừng cải thiện cơ sở vật chất và điều kiện làm việc, nâng cao phúc lợi, chăm lo cho đời sống vật chất và tinh thần cho người lao động ngày một tốt hơn.

ĐÁNH GIÁ CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VỀ HOẠT ĐỘNG CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Năm 2018, Công ty tiếp tục hoàn thành tốt các chỉ tiêu kế hoạch đề ra. Kết quả này thể hiện nội lực của Công ty đã được phát huy tốt trong giai đoạn những năm đầu hoạt động theo mô hình công ty cổ phần. Ban Tổng Giám đốc đã thực hiện đúng trách nhiệm và quyền hạn của mình trong việc điều hành Công ty theo Điều lệ tổ chức và hoạt động. Hội đồng quản trị đánh giá cao sự tận tâm, nỗ lực và tinh thần đoàn kết của Ban Tổng Giám đốc Công ty. Tổng Giám đốc đã cùng với các Phó Tổng Giám đốc và các bộ phận quản lý khác có nhiều nỗ lực và luôn dành hết tâm huyết cho việc lập kế hoạch chiến lược kinh doanh, quản lý, thu hồi tốt công nợ, điều hành linh hoạt mọi hoạt động kinh doanh và đầu tư nhằm đưa Công ty vượt qua thời điểm khó khăn chung của nền kinh tế trong năm 2018. Kết quả kinh doanh trong năm 2018 đã phản ánh đúng mọi hoạt động của Công ty.

CÁC KẾ HOẠCH VÀ ĐỊNH HƯỚNG NĂM 2019

STT	Chỉ tiêu	ĐVT	KH 2019
1	Doanh thu thuần	Triệu đồng	168.370
2	Lợi nhuận trước thuế	Triệu đồng	82.967

Để giữ vững sự ổn định và phát triển các hoạt động của Công ty, HĐQT tiếp tục giám sát cũng như chỉ đạo kịp thời, nhanh chóng việc thực hiện nhiệm vụ của Ban Tổng Giám đốc và đội ngũ quản lý của Công ty trong tất cả các lĩnh vực như: hoạt động kinh doanh, công tác tài chính, nhân sự, công tác khai thác tài sản.

Duy trì và phát triển cùng các đối tác, nhà cung cấp hiện tại bằng cách đáp ứng chất lượng dịch vụ ngày càng cao về chính sách, quy mô, nhân sự.

Tăng cường triển khai các phương án sử dụng mặt bằng hợp lý, hiệu quả, nhằm tối đa hóa lợi nhuận kinh doanh của Công ty; Đẩy mạnh đầu tư mới và cải tạo, nâng cấp lại hệ thống kinh doanh dịch vụ.

Tăng cường công tác quản lý theo quy định nhà nước, ngành và Công ty, làm tốt công tác quản lý tài chính, chỉ tiêu nội bộ, bảo đảm tuân thủ các quy định, chuẩn mực pháp luật.

Phấn đấu giữ vững sự ổn định của Công ty, đoàn kết của tất cả các cổ đông và người lao động, tăng cường sự ủng hộ của các cơ quan ban ngành, từng bước cải thiện cơ sở vật chất, điều kiện làm việc; nâng cao phúc lợi, chăm lo đời sống vật chất, tinh thần cho cán bộ nhân viên.

Chỉ đạo và giám sát Ban Tổng Giám đốc trong việc triển khai thực hiện các vấn đề theo Nghị quyết của ĐHĐCĐ và HĐQT Công ty.

Chỉ đạo giải quyết nhanh mọi vướng mắc trong hoạt động kinh doanh của Công ty nhằm thực hiện đúng kế hoạch, mục tiêu đề ra.

"Kế hoạch doanh thu thuần năm 2019 đạt

168.370 triệu đồng

Lợi nhuận sau thuế năm 2019 đạt

82.967 triệu đồng"

QUẢN TRỊ CÔNG TY

1. Hội đồng Quản trị
2. Ban Kiểm soát
3. Các giao dịch thù lao và các khoản lợi ích của HĐQT, BTGD, BKS

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

STT	Họ và tên	Chức vụ
1	Ông Nguyễn Minh Chung	Chủ tịch HĐQT
2	Bà Nguyễn Thị Nga	Phó Chủ tịch HĐQT
3	Ông Lê Minh Thành	Phó Chủ tịch HĐQT
4	Ông Trần Ngọc Tiến	TVHĐQT/Phó TGĐ
5	Bà Lê Thanh Hà	Thành viên HĐQT
6	Bà Nguyễn Thị Thu Hằng	Thành viên HĐQT
7	Bà Vũ Thị Quỳnh Trang	Thành viên HĐQT

CÁC NGHỊ QUYẾT, QUYẾT ĐỊNH CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ BAN HÀNH TRONG NĂM

STT	Số Nghị quyết/ Quyết định	Thời gian	Nội dung
1	01	29/01/2018	QĐ bổ nhiệm Bà Vũ Thị Bình giữ chức vụ Kế toán trưởng CTCP Du lịch & TM Sao Phương Đông.
2	02	22/02/2018	Nghị quyết về việc: 1. Chuyển nhượng toàn bộ phần vốn góp của Hanoi Toserco tại CTCP Du lịch & TM Sao Phương Đông 2. Thông qua phương án 2 cổ đông của CTCP Du lịch & TM Sao Phương Đông cho Sao Phương Đông vay để thanh toán nợ cho các nhà thầu.
3	03	15/03/2018	Nghị quyết v/v: Chốt danh sách cổ đông để tổ chức ĐHĐCĐ thường niên 2018

STT	Số Nghị quyết/ Quyết định	Thời gian	Nội dung
4	04	12/04/2018	Báo cáo kết quả hoạt động của HĐQT năm 2017, phương hướng 2018 tại ĐHĐCĐ thường niên 2018
5	05	-	Tờ trình phê duyệt BCTC đã kiểm toán 2017 tại ĐHĐCĐ thường niên 2018
6	06	-	Tờ trình lựa chọn đơn vị kiểm toán BCTC năm 2018 tại ĐHĐCĐ thường niên 2018
7	07	-	Tờ trình sửa Điều lệ tổ chức & hoạt động của Công ty tại ĐHĐCĐ thường niên 2018
8	08	-	Tờ trình thông qua Quy chế quản trị của Công ty tại ĐHĐCĐ thường niên 2018
9	09	-	Tờ trình thông qua thù lao HĐQT, BKS năm 2017 & dự toán 2018 tại ĐHĐCĐ thường niên 2018
10	10	-	Tờ trình phân phối lợi nhuận sau thuế năm 2017 tại ĐHĐCĐ thường niên 2018
11	11	-	Tờ trình miễn nhiệm và bầu bổ sung thành viên BKS cho thời gian còn lại của nhiệm kỳ 2016 - 2020
12	17	10/07/2018	Thông qua việc lựa chọn Deloitte là đơn vị kiểm toán BCTC năm 2018
13	18	13/07/2018	Nghị quyết v/v phê duyệt hệ thống thang bảng lương, bảng chuyển xếp lương áp dụng từ 01/01/2018
14	22	21/08/2018	Nghị quyết v/v thông qua phương án chi trả tiền lãi cho nhà đầu tư do chậm CPH
15	23	21/08/2018	Nghị quyết v/v thoái toàn bộ phần vốn góp của Hanoi Toserco tại CTCP Du lịch & TM Sao Phương Đông

BÁO CÁO VÀ ĐÁNH GIÁ CỦA BAN KIỂM SOÁT

THÀNH VIÊN BAN KIỂM SOÁT

STT	Họ và tên	Chức vụ
1	Trần Xuân Sơn	Trưởng BKS
2	Nguyễn Thị Hiền	Thành viên BKS
3	Đào Thị Hiền	Thành viên BKS

THÀNH VIÊN BAN KIỂM SOÁT

Trong năm 2018, Ban Kiểm soát đã:

- Tham gia các cuộc họp của HĐQT và giám sát việc thực hiện các nghị quyết của HĐQT; kiểm tra và giám sát việc ban hành các nghị quyết, quyết định của Hội đồng Quản trị và Ban Điều hành.
- Kiểm soát các cuộc họp giao ban, các hoạt động quản lý, điều hành của Ban Tổng Giám đốc, đã kiểm tra việc ghi chép hạch toán sổ sách kế toán và lập báo cáo Tài chính của Công ty.
- Xem xét kết quả báo cáo tài chính và hệ thống sổ sách kế toán năm 2018 của Công ty.
- Giám sát việc thực thi công bố thông tin định kỳ, thông tin bất thường theo quy định của pháp luật, xem xét tính minh bạch của quá trình công bố thông tin để đảm bảo quyền lợi của các cổ đông Công ty.
- Giám sát việc thực hiện các quy chế, quy định nội bộ của Công ty đã ban hành.
- Chủ động phối hợp với Hội đồng Quản trị, Ban Tổng Giám đốc và các phòng/ban chuyên môn trong công việc.

SỰ PHỐI HỢP GIỮA BKS ĐỐI VỚI HOẠT ĐỘNG CỦA HĐQT VÀ BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Thực hiện chức năng nhiệm vụ của mình, Ban Kiểm soát đã có sự phối hợp chặt chẽ với HĐQT, Ban Tổng Giám đốc trong việc tổ chức hoạt động kiểm tra, giám sát. HĐQT và Ban Tổng Giám đốc đã tạo điều kiện thuận lợi để Ban Kiểm soát thực hiện nhiệm vụ kiểm tra, giám sát, tham gia các cuộc họp của HĐQT, các cuộc họp giao ban của Công ty và các cuộc họp khác, cung cấp đầy đủ các thông tin và tài liệu liên quan đến hoạt động của Công ty.

Tất cả các báo cáo của Ban Kiểm soát đều được gửi tới HĐQT và Ban Tổng Giám đốc. Ban Kiểm soát đã thông báo cho HĐQT, Ban Tổng Giám đốc việc phân công nhiệm vụ các thành viên Ban Kiểm soát.



LƯƠNG, THÙ LAO VÀ CÁC KHOẢN LỢI ÍCH CỦA BAN LÃNH ĐẠO

LƯƠNG, THÙ LAO CỦA HĐQT, BAN TGD VÀ BKS NĂM 2018

Kế hoạch lương/thù lao cho Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát năm 2018 đã bao gồm thuế thu nhập cá nhân (bao gồm 12 tháng thù lao và 01 tháng thù lao nhân dịp Tết nguyên đán 2019):

STT	Nội dung	Thù lao	Ghi chú
1	Hội đồng quản trị	1.027.000.000	
2	Ban kiểm soát	507.000.000	

VIỆC THỰC HIỆN CÁC QUY ĐỊNH VỀ QUẢN TRỊ CÔNG TY

Từ khi tham gia thị trường chứng khoán đến nay, Công ty luôn chủ động nắm bắt các quy định pháp luật có liên quan và cập nhật kịp thời như:

- Tuân thủ đầy đủ các nghĩa vụ về Công bố thông tin.
- Định kỳ tổ chức Đại hội đồng cổ đông.
- Xây dựng Điều lệ, Quy chế quản trị bám sát theo Luật Doanh Nghiệp 2014 và Nghị định 71 về quản trị công ty áp dụng đối với công ty đại chúng.

Những việc trên một mặt nâng cao hiệu quả quản lý, mặt khác thúc đẩy sự công bằng, minh bạch trong quá trình xử lý sự cố và những sai sót phát sinh. Qua đó giúp ổn định và nâng cao hiệu quả sản xuất kinh doanh cho Công ty.

TĂNG CƯỜNG HIỆU QUẢ QUẢN TRỊ CÔNG TY

Tiêu chí Quản trị	Giải pháp tăng cường hiệu quả
Kế hoạch đào tạo/học tập về quản trị công ty	Các thành viên HĐQT, BKS và BGD lên kế hoạch để tham gia đầy đủ các khóa học/ tập huấn về quản trị công ty do UBCKNN/ HNX tổ chức
Quan hệ nhà đầu tư	Cập nhật Quy trình công bố thông tin theo Quy chế Công bố thông tin của Sở GDCK TP Hà Nội
Quản trị tài chính - kế toán	Nâng cao hiệu quả sử dụng phần mềm kế toán trong quản trị tài chính - kế toán
Quản trị nhân sự	Nâng cao hiệu quả quá trình quản trị nhân sự. Đồng thời Công ty nghiên cứu ứng dụng phần mềm trong quản lý nhân sự thay cho hệ thống Excel

BÁO CÁO PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG

1. Đánh giá về trách nhiệm bảo vệ môi trường và mục tiêu về phát triển bền vững
2. Chi tiết các chỉ tiêu phát triển bền vững



ĐÁNH GIÁ VỀ TRÁCH NHIỆM BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG VÀ MỤC TIÊU PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG

Năm 2018, Công ty tiếp tục phát triển sản xuất kinh doanh gắn liền với việc bảo vệ môi trường và đảm bảo quyền lợi cho người lao động. Chủ trương nhất quán và xuyên suốt của Công ty là không đánh đổi môi trường lấy sự phát triển của Công ty.

Mục tiêu phát triển bền vững của Công ty đó là gắn phát triển du lịch bền vững với tăng trưởng xanh, bám sát theo yêu cầu xuyên suốt của *Chiến lược phát triển du lịch Việt Nam đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2050* của Viện Nghiên cứu phát triển du lịch. Công ty gắn phát triển du lịch với bảo tồn, phát huy các giá trị, bản sắc văn hóa dân tộc, sử dụng các tài nguyên thiên nhiên hiệu quả kết hợp bảo vệ môi trường với duy trì, phát triển sinh thái. Bên cạnh đó, mục tiêu của Công ty còn có phát triển tiềm năng của lực lượng lao động, đảm bảo việc làm và an sinh xã hội.



CHI TIẾT CÁC CHỈ TIÊU PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG

ĐÁNH GIÁ LIÊN QUAN ĐẾN CHỈ TIÊU MÔI TRƯỜNG

Bảo vệ môi trường là vấn đề mà Công ty luôn quan tâm, vì vậy trong suốt quá trình hoạt động, Công ty luôn thực hiện nghiêm túc các vấn đề liên quan đến công tác này. Hàng năm, Công ty đặt ra các chỉ tiêu để bảo vệ môi trường: tiết kiệm điện, tiết kiệm nước, giữ an toàn vệ sinh nơi làm việc cũng như tại các khu vực công cộng xung quanh nơi Công ty hoạt động.

ĐÁNH GIÁ LIÊN QUAN ĐẾN VẤN ĐỀ NGƯỜI LAO ĐỘNG

Công ty luôn xác định cốt lõi cho sự phát triển của Công ty trong mọi mặt công tác chính là yếu tố con người. Chính vì vậy, Công ty đã có những chính sách quản lý và sử dụng nhân sự như sau:

- Điều kiện làm việc an toàn và được chăm sóc sức khỏe:
 - Xây dựng hệ thống thiết bị phòng cháy chữa cháy tại tất cả các trụ sở, địa điểm hoạt động và đảm bảo 100% người lao động được huấn luyện về phòng cháy chữa cháy.
 - Thực hiện các chương trình chăm sóc sức khỏe, BHYT, BHXH.
- Xây dựng một môi trường làm việc văn hoá, văn minh cho tất cả mọi thành viên của công ty.
- Người lao động được đảm bảo tất cả các quyền lợi mà pháp luật quy định. Chính sách về tiền lương rõ ràng và công bằng để đảm bảo từng thành viên của Hanoi Toserco có một mức thu nhập thoả đáng.
- Phát triển nhân viên: tổ chức các hoạt động đào tạo nhân viên thường niên thông qua các chương trình đào tạo tại chỗ và các khóa huấn luyện. Công ty mong muốn tạo cơ hội và điều kiện tốt nhất cho nhân viên của mình nâng cao kiến thức, phát triển bản thân đồng thời đóng góp cho sự phát triển của Công ty và cộng đồng.

ĐÁNH GIÁ LIÊN QUAN ĐẾN TRÁCH NHIỆM CỦA DOANH NGHIỆP ĐỐI VỚI NHÀ ĐẦU TƯ

Là một doanh nghiệp đã tham gia thị trường chứng khoán, Công ty luôn ý thức được tầm quan trọng của mối quan hệ với nhà đầu tư. Ban lãnh đạo Công ty luôn công bố thông tin một cách kịp thời, minh bạch, truyền tải thông tin tới nhà đầu tư thông qua chuyên mục "Quan hệ cổ đông" trên website của Công ty và qua kênh thông tin của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước, Sở giao dịch Chứng khoán Thành phố Hà Nội.

Bộ phận phụ trách công bố thông tin của Công ty luôn cập nhật các văn bản mới nhất về Quản trị công ty, đảm bảo thực hiện tốt nghĩa vụ công bố thông tin đối với cổ đông của Công ty cũng như nghĩa vụ công bố thông tin theo quy định của các cơ quan quản lý Nhà nước.



BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

1. Bảng cân đối kế toán hợp nhất
2. Báo cáo kết quả kinh doanh hợp nhất
3. Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất
4. Bản thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất



CÔNG TY CỔ PHẦN DU LỊCH DỊCH VỤ HÀ NỘI
(Thành lập tại nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam)

BÁO CÁO TÀI CHÍNH ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN

Cho năm tài chính kết thúc
ngày 31 tháng 12 năm 2018

CÔNG TY CỔ PHẦN DU LỊCH DỊCH VỤ HÀ NỘI
Số 273, Phố Kim Mã, Phường Giảng Võ,
Quận Ba Đình, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

MỤC LỤC

NỘI DUNG	TRANG
BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC	1 - 2
BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP	3 - 4
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN	5 - 6
BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH	7
BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ	8
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH	9 - 26

CÔNG TY CỔ PHẦN DU LỊCH DỊCH VỤ HÀ NỘI

Số 273, Phố Kim Mã, Phường Giảng Võ,
Quận Ba Đình, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Du lịch Dịch vụ Hà Nội (gọi tắt là "Công ty") đề trình báo cáo này cùng với báo cáo tài chính của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Các thành viên của Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc Công ty đã điều hành Công ty trong năm và đến ngày lập báo cáo này gồm:

Hội đồng Quản trị

Ông Nguyễn Minh Chung	Chủ tịch
Bà Nguyễn Thị Nga	Phó Chủ tịch
Ông Lê Minh Thành	Phó Chủ tịch
Ông Trần Ngọc Tiến	Thành viên
Bà Lê Thanh Hà	Thành viên
Bà Nguyễn Thị Thu Hằng	Thành viên
Bà Vũ Thị Quỳnh Trang	Thành viên

Ban Tổng Giám đốc

Ông Nguyễn Kim Hà	Tổng Giám đốc
Ông Trần Ngọc Tiến	Phó Tổng Giám đốc
Ông Trịnh Minh Tú	Phó Tổng Giám đốc

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty có trách nhiệm lập báo cáo tài chính phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2018 cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính. Trong việc lập báo cáo tài chính này, Ban Tổng Giám đốc được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các xét đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nếu rõ các nguyên tắc kế toán thích hợp có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong báo cáo tài chính hay không;
- Lập báo cáo tài chính trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh; và
- Thiết kế và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu cho mục đích lập và trình bày báo cáo tài chính hợp lý nhằm hạn chế rủi ro và gian lận.

CÔNG TY CỔ PHẦN DU LỊCH DỊCH VỤ HÀ NỘI

Số 273, Phố Kim Mã, Phường Giảng Võ,
Quận Ba Đình, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC (Tiếp theo)

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo rằng số kế toán được ghi chép một cách phù hợp để phản ánh một cách hợp lý tình hình tài chính của Công ty ở bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng báo cáo tài chính tuân thủ chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính. Ban Tổng Giám đốc cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc xác nhận rằng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập báo cáo tài chính.

Thay mặt và đại diện cho Ban Tổng Giám đốc,



Nguyễn Kim Hà
Tổng Giám đốc

Hà Nội, ngày 29 tháng 3 năm 2019

11250
ÔNG T
NHIỆM
LOIT
IẾT N
ĐA - T

11250
ÔNG T
NHIỆM
LOIT
IẾT N
ĐA - T

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Kính gửi: Các cổ đông
Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc
Công ty Cổ phần Du lịch Dịch vụ Hà Nội

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính kèm theo của Công ty Cổ phần Du lịch Dịch vụ Hà Nội (gọi tắt là "Công ty"), được lập ngày 29 tháng 3 năm 2019, từ trang 5 đến trang 26, bao gồm Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2018, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Thuyết minh báo cáo tài chính.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP (Tiếp theo)

Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2018, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.



Đặng Chí Dũng
Phó Tổng Giám đốc

Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề
kiểm toán số 0030-2018-001-1

CÔNG TY TNHH DELOITTE VIỆT NAM

Ngày 29 tháng 3 năm 2019
Hà Nội, CHXHCN Việt Nam

Phạm Quỳnh Hoa
Kiểm toán viên

Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề
kiểm toán số 0910-2018-001-1

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2018

Đơn vị: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
A. TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		544.905.169.512	486.051.414.417
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	4	54.124.963.325	24.625.772.795
1. Tiền	111		11.446.428.536	8.625.772.795
2. Các khoản tương đương tiền	112		42.678.534.789	16.000.000.000
II. Đầu tư tài chính ngắn hạn	120	5	449.389.562.826	432.570.499.000
1. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123		449.389.562.826	432.570.499.000
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		40.833.070.641	28.532.260.384
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	6	9.333.683.932	15.574.832.073
2. Trễ trước cho người bán ngắn hạn	132	7	1.431.360.990	958.367.182
3. Phải thu ngắn hạn khác	136	8	30.068.025.719	11.999.061.129
IV. Hàng tồn kho	140		557.572.720	322.882.238
1. Hàng tồn kho	141		557.572.720	322.882.238
B. TÀI SẢN DÀI HẠN	200		366.220.555.937	415.976.055.011
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		639.202.250	-
1. Phải thu dài hạn khác	216	8	639.202.250	-
II. Tài sản cố định	220		7.610.261.694	8.846.136.615
1. Tài sản cố định hữu hình	221	9	7.610.261.694	8.846.136.615
- Nguyên giá	222		24.999.707.915	25.369.562.998
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(17.389.446.221)	(16.523.426.383)
III. Bất động sản đầu tư	230	10	50.615.667.131	52.590.865.310
- Nguyên giá	231		75.236.709.739	73.727.349.474
- Giá trị hao mòn lũy kế	232		(24.621.042.608)	(21.136.484.164)
IV. Đầu tư tài chính dài hạn	250	5	287.646.705.597	327.646.705.597
1. Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết	252		285.774.104.867	285.774.104.867
2. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253		1.872.600.730	1.872.600.730
3. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	255		-	40.000.000.000
V. Tài sản dài hạn khác	260		19.708.719.265	26.892.347.489
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	11	19.708.719.265	26.892.347.489
TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270=100+200)	270		911.125.725.449	902.027.469.428

Các thuyết minh kèm theo là một bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính này

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (Tiếp theo)

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2018

Đơn vị: VND

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
C. NỢ PHẢI TRẢ	300		52.042.729.090	44.392.211.916
I. Nợ ngắn hạn	310		46.966.310.852	44.392.211.916
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	12	435.402.221	635.757.594
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	13	2.083.452.007	690.677.178
3. Thuế và các khoản phải nộp nhà nước	313	14	2.288.316.502	1.173.730.015
4. Phải trả người lao động	314		1.015.834.407	1.762.136.600
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315	15	21.598.574.431	21.856.358.205
6. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	318	16	3.061.488.778	3.238.958.292
7. Phải trả ngắn hạn khác	319	17	14.176.832.222	11.786.824.243
8. Dự phòng phải trả ngắn hạn	321		-	2.300.000.000
9. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322		1.506.410.284	1.125.769.789
II. Nợ dài hạn	330		5.076.409.238	-
1. Phải trả dài hạn khác	337	17	5.076.325.001	-
2. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	341		83.637	-
D. VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		859.083.005.359	857.635.257.512
I. Vốn chủ sở hữu	410	18	859.083.005.359	857.635.257.512
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411		748.000.000.000	748.000.000.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		748.000.000.000	748.000.000.000
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		1.231.896.222	1.231.896.222
3. Cổ phiếu quỹ	415		(26.400.000)	(26.400.000)
4. Quỹ đầu tư phát triển	418		4.811.331.015	-
5. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		105.066.178.322	108.439.761.290
- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối lũy kế đến cuối năm trước	421a		13.503.140.997	12.207.140.997
- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối năm này	421b		91.563.037.325	96.228.620.293
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (440=300+400)	440		911.125.725.449	902.027.469.428

Dương Thị Như
Người lập biểu

Vũ Thị Bình
Kế toán trưởng



Nguyễn Kim Hà
Tổng Giám đốc

Ngày 29 tháng 3 năm 2019

Các thuyết minh kèm theo là một bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính này

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

Đơn vị: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
1. Doanh thu cung cấp dịch vụ	01	20	163.975.960.565	166.946.380.950
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02		10.000.000	-
3. Doanh thu thuần về cung cấp dịch vụ (10=01-02)	10		163.965.960.565	166.946.380.950
4. Giá vốn dịch vụ cung cấp	11	21	128.355.908.879	137.298.748.350
5. Lợi nhuận gộp về cung cấp dịch vụ (20=10-11)	20		35.610.051.686	34.647.532.600
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	23	93.361.590.068	102.229.392.520
7. Chi phí tài chính	22		542.111.455	217.349.481
8. Chi phí bán hàng	25	24	8.257.273.886	9.021.835.572
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	24	20.751.901.789	25.054.468.434
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh (30=20+(21-22)-(25+26))	30		99.420.354.624	101.783.471.639
11. Thu nhập khác	31		302.400.742	248.894.627
12. Chi phí khác	32		171.799.841	182.696.319
13. Lợi nhuận khác (40=31-32)	40		130.600.901	66.198.308
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50=30+40)	50		99.551.054.525	101.849.667.947
15. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51	25	7.987.933.763	5.623.047.654
16. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	52		83.637	-
17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (60=50-51-52)	60		91.563.037.125	96.226.620.293
18. Lợi cơ bản trên cổ phiếu	70	26	1.224	1.235

Dương Thị Như
Người lập biểu

Vũ Thị Bình
Kế toán trưởng

Nguyễn Kim Hà
Tổng Giám đốc

Ngày 29 tháng 3 năm 2019

Các thuyết minh kèm theo là một bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính này

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

Đơn vị: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Năm nay	Năm trước
I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH			
1. Lợi nhuận trước thuế	01	99.551.054.525	101.849.667.947
2. Điều chỉnh cho các khoản:			
Khấu hao tài sản cố định	03	5.446.290.529	5.466.741.986
Lãi chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	04	530.427.131	70.113.721
Lãi từ hoạt động đầu tư	05	(90.577.745.966)	(102.116.307.997)
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	09	14.550.026.219	5.270.015.657
Thay đổi các khoản phải thu	09	(2.063.368.318)	8.921.696.525
Thay đổi hàng tồn kho	10	(234.690.482)	(78.070.025)
Thay đổi các khoản phải trả (không bao gồm thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)	11	(286.960.247)	(131.783.190.190)
Thay đổi chi phí trả trước	13	7.183.628.224	8.466.166.602
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15	(6.945.351.224)	(5.511.756.398)
Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	16	(3.490.248.783)	-
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20	8.713.035.389	(114.715.137.829)
II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ			
1. Tiền chi mua sắm tài sản cố định	21	(2.371.258.182)	-
2. Tiền thu thanh lý, nhượng bán tài sản cố định	22	291.818.181	163.636.364
3. Tiền chi cho vay, mua công cụ nợ của đơn vị khác	23	(118.509.447.826)	(128.270.499.000)
4. Tiền thu từ cho vay, bán lại công cụ nợ của đơn vị khác	24	432.578.499.000	-
5. Tiền thu từ tiền gửi, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	88.945.324.349	111.693.924.020
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30	100.526.935.522	(16.412.938.616)
III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH			
1. Tiền trả lại vốn góp cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp để phát hành	32	-	(26.400.000)
2. Lợi nhuận để trả cho chủ sở hữu	36	(79.730.238.250)	(39.675.258.755)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40	(79.730.238.250)	(39.701.658.755)
Lưu chuyển tiền thuần trong năm (50=20+30+40)	50	29.509.732.661	(170.829.735.200)
Tiền và tương đương đầu năm	60	24.625.772.795	195.523.949.466
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61	(10.541.331)	(67.441.471)
Tiền và tương đương tiền cuối năm (70=50+60+61)	70	54.124.983.325	24.625.772.795

Dương Thị Như
Người lập biểu

Vũ Thị Bình
Kế toán trưởng

Nguyễn Kim Hà
Tổng Giám đốc

Ngày 29 tháng 3 năm 2019

Các thuyết minh kèm theo là một bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính này

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo.

1. THÔNG TIN KHÁI QUÁT**Hình thức sở hữu vốn**

Công ty Cổ phần Du lịch Dịch vụ Hà Nội (gọi tắt là "Công ty") tiền thân là Công ty TNHH MTV Du lịch Dịch vụ Hà Nội, được thành lập tại Việt Nam theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0104000248 ngày 20 tháng 10 năm 2005, thay đổi lần thứ 02 ngày 06 tháng 12 năm 2013 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội cấp.

Công ty TNHH MTV Du lịch Dịch vụ Hà Nội chính thức chuyển sang hoạt động dưới hình thức công ty cổ phần với tên gọi Công ty Cổ phần Du lịch Dịch vụ Hà Nội theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp công ty cổ phần số 0100107155 ngày 15 tháng 3 năm 2016, thay đổi lần thứ 04 ngày 09 tháng 10 năm 2017 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội cấp, với vốn điều lệ là 748.000.000.000 VND.

Tổng số nhân viên của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2018 là 92 (ngày 31 tháng 12 năm 2017: 108).

Ngành nghề kinh doanh và hoạt động chính

Hoạt động kinh doanh của Công ty bao gồm kinh doanh lữ hành quốc tế và nội địa; kinh doanh khách sạn, nhà hàng (không bao gồm kinh doanh quán bar, phòng hát karaoke, vũ trường); kinh doanh vận chuyển khách du lịch và hàng hóa; kinh doanh ăn uống, đặc sản cao cấp và bình dân (không bao gồm kinh doanh quán bar); hướng dẫn du lịch, phiên dịch; dịch vụ thông tin (trừ loại thông tin Nhà nước cấm); dịch vụ vui chơi, giải trí, sống lại xưa bóp (không bao gồm chèo cầu, dạy ăn huyết và sống lại bằng thuốc y học cổ truyền); kinh doanh cho thuê văn phòng, nhà ở cho các đối tượng trong và ngoài nước; kinh doanh thương mại xuất nhập khẩu tổng hợp; lập dự án, đầu tư xây dựng và quản lý khu du lịch, khách sạn, khu đô thị, trung tâm thương mại dịch vụ; các loại dịch vụ khác cho thuê hoạt động (nấu ăn, phiên dịch, lái xe); tổ chức hội nghị, hội thảo, kinh doanh hàng lưu niệm, tranh ảnh nghệ thuật, mỹ phẩm cao cấp; may đo, giặt là, cắt uốn tóc, chăm sóc sắc đẹp, trang điểm (không bao gồm các dịch vụ gây cháy màu).

Hoạt động chính của Công ty là kinh doanh dịch vụ du lịch và dịch vụ liên quan.

Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường của Công ty được thực hiện trong thời gian không quá 12 tháng.

Cấu trúc doanh nghiệp

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2018, Công ty có các đơn vị phụ thuộc sau:

STT	Tên đơn vị	Địa chỉ	Hoạt động kinh doanh chính
1	Trung tâm Lễ hội	Số 273 Kim Mã, Ba Đình, Hà Nội	Dịch vụ du lịch
2	Chi nhánh Công ty tại Thành phố Hồ Chí Minh	Số 54 Nguyễn Bình Khiêm, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh	Dịch vụ du lịch
3	Kí nghiệp Dịch vụ Du lịch	Số 98 Hàng Trống, Hoàn Kiếm, Hà Nội	Kinh doanh ăn uống và dịch vụ khác
4	Trung tâm Dịch vụ, Đại lý và máy bay	Số 273 Kim Mã, Ba Đình, Hà Nội	Đại lý và máy bay

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2018, Công ty có các công ty liên doanh, liên kết sau:

STT	Tên đơn vị	Địa chỉ	Hoạt động kinh doanh chính
Công ty liên doanh			
1	Công ty Liên doanh Khách sạn D&B Giảng Võ, Ba Đình, Hà Nội TNHH Hà Nội Hotel		Kinh doanh khách sạn
2	Công ty TNHH Global Towers	Số 40 Cát Linh, Đống Đa, Hà Nội	Kinh doanh khách sạn
Công ty liên kết			
1	Công ty Cổ phần Du lịch và Thương mại Sao Phương Đông	Số 209 Kim Mã, Giảng Võ, Ba Đình, Hà Nội	Kinh doanh khách sạn

Thuyết minh về khả năng so sánh thông tin trên báo cáo tài chính

Số liệu so sánh là số liệu của báo cáo tài chính đã được kiểm toán cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017.

2. CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH VÀ NĂM TÀI CHÍNH**Cơ sở lập báo cáo tài chính**

Báo cáo tài chính kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam (VND), theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Báo cáo tài chính kèm theo không nhằm phản ánh tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận chung tại các nước khác ngoài Việt Nam.

Năm tài chính

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12.

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

Sau đây là các chính sách kế toán chủ yếu được Công ty áp dụng trong việc lập báo cáo tài chính:

Ước tính kế toán

Việc lập báo cáo tài chính tuân thủ theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính yêu cầu Ban Tổng Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày lập báo cáo tài chính cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt năm tài chính. Mặc dù các ước tính kế toán được lập bằng tất cả sự hiểu biết của Ban Tổng Giám đốc, số thực tế phát sinh có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, các khoản tiền gửi không kỳ hạn, các khoản đầu tư ngắn hạn, có khả năng thanh khoản cao, dễ dàng chuyển đổi thành tiền và ít rủi ro liên quan đến việc biến động giá trị.

Các khoản đầu tư tài chính

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm các khoản đầu tư mà Công ty có ý định và khả năng giữ đến ngày đáo hạn. Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn là các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn với mục đích thu lãi hàng kỳ.

Góp vốn liên doanh

Các khoản góp vốn liên doanh là thỏa thuận trên cơ sở ký kết hợp đồng mà theo đó Công ty và các bên tham gia thực hiện hoạt động kinh tế trên cơ sở đồng kiểm soát. Cơ sở đồng kiểm soát được hiểu là việc đưa ra các quyết định mang tính chiến lược liên quan đến các chính sách hoạt động và tài chính của đơn vị liên doanh phải có sự đồng thuận của các bên đồng kiểm soát.

Trong trường hợp một công ty thành viên trực tiếp thực hiện hoạt động kinh doanh theo các thỏa thuận liên doanh, phần vốn góp vào tài sản đồng kiểm soát và bất kỳ khoản nợ phải trả phát sinh chung phải gánh chịu cùng với các bên góp vốn liên doanh khác từ hoạt động của liên doanh được hạch toán vào báo cáo tài chính của công ty tương ứng và được phân loại theo bản chất của nghiệp vụ kinh tế phát sinh. Các khoản công nợ và chi phí phát sinh có liên quan trực tiếp đến phần vốn góp trong phần tài sản đồng kiểm soát được hạch toán trên cơ sở dồn tích. Các khoản thu nhập từ việc bán hàng hoặc sử dụng phần sản phẩm được chia từ hoạt động của liên doanh và phần chi phí phát sinh phải gánh chịu được ghi nhận khi chắc chắn khoản lợi ích kinh tế có được từ các giao dịch này được chuyển tới hoặc chuyển ra khỏi Công ty và các khoản lợi ích kinh tế này có thể được xác định một cách đáng tin cậy.

Các thỏa thuận góp vốn liên doanh liên quan đến việc thành lập một cơ sở kinh doanh độc lập trong đó có các bên tham gia góp vốn liên doanh được gọi là cơ sở kinh doanh đồng kiểm soát.

Đầu tư vào công ty liên kết

Công ty liên kết là một công ty mà Công ty có ảnh hưởng đáng kể nhưng không phải là công ty con hay công ty liên doanh của Công ty. Ảnh hưởng đáng kể thể hiện ở quyền tham gia vào việc đưa ra các quyết định về chính sách tài chính và hoạt động của bên nhận đầu tư nhưng không có ảnh hưởng về mặt kiểm soát hoặc đồng kiểm soát những chính sách này.

Công ty ghi nhận ban đầu khoản đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết theo giá gốc. Công ty hạch toán vào thu nhập trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh khoản được chia từ lợi nhuận thuần lũy kế của bên nhận đầu tư phát sinh sau ngày đầu tư. Các khoản khác mà Công ty nhận được ngoài lợi nhuận được chia được coi là phần thu hồi các khoản đầu tư và được ghi nhận là khoản giảm trừ giá gốc đầu tư.

Các khoản đầu tư vào công ty liên doanh, công ty liên kết được trình bày trong Bảng cân đối kế toán theo giá gốc trừ đi các khoản dự phòng giảm giá (nếu có). Dự phòng giảm giá đầu tư vào công ty liên doanh, công ty liên kết được trích lập theo quy định tại Thông tư số 228/2009/TT-BTC ngày 07 tháng 12 năm 2009 của Bộ Tài chính về "Hướng dẫn chế độ trích lập và sử dụng các khoản dự phòng giảm giá hàng tồn kho, tổn thất các khoản đầu tư tài chính, nợ phải thu khó đòi và báo hành sản phẩm, hàng hóa, công trình xây lắp tại doanh nghiệp", Thông tư số 89/2013/TT-BTC ngày 28 tháng 6 năm 2013 của Bộ Tài chính về việc sửa đổi bổ sung Thông tư số 228/2009/TT-BTC và các quy định kế toán hiện hành.

Đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác

Đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác phản ánh các khoản đầu tư công cụ vốn nhưng Công ty không có quyền kiểm soát, đồng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên được đầu tư.

Nợ kỳ H = 10000

ĐƠN PHỤ LỤC E LỢI TIẾT A

Khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác được phản ánh theo nguyên giá trừ các khoản dự phòng giảm giá đầu tư.

Nợ phải thu

Nợ phải thu là số tiền có thể thu hồi của khách hàng hoặc các đối tượng khác. Nợ phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi.

Dự phòng phải thu khó đòi được trích lập cho những khoản nợ phải thu đã quá hạn thanh toán từ sáu tháng trở lên, hoặc các khoản nợ phải thu mà người nợ khó có khả năng thanh toán do bị thanh lý, phá sản hay các khó khăn tương tự.

Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí nguyên vật liệu trực tiếp, chi phí lao động trực tiếp và chi phí sản xuất chung, nếu có, để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Giá gốc của hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền. Giá trị thuần có thể thực hiện được được xác định bằng giá bán ước tính trừ các chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm cùng chi phí tiếp thị, bán hàng và phân phối phát sinh.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho của Công ty được trích lập theo các quy định kế toán hiện hành. Theo đó, Công ty được phép trích lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho lỗi thời, hỏng, kém phẩm chất và trong trường hợp giá gốc của hàng tồn kho cao hơn giá trị thuần có thể thực hiện được tại ngày kết thúc niên độ kế toán.

Tài sản cố định hữu hình và khấu hao

Tài sản cố định hữu hình được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí khác liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính, cụ thể như sau:

	Số năm
Nhà cửa, vật kiến trúc	5 - 30
Máy móc, thiết bị	5 - 10
Phương tiện vận tải	6 - 10
Thiết bị văn phòng	3 - 6
Tài sản cố định khác	3 - 6

Các khoản lãi, lỗ phát sinh khi thanh lý, bán tài sản là chênh lệch giữa thu nhập từ thanh lý và giá trị còn lại của tài sản và được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

Tài sản cố định vô hình và khấu hao

Tài sản cố định vô hình thể hiện giá trị quyền sử dụng đất được nhà nước giao cơ thu tiền sử dụng đất và được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế.

Quyền sử dụng đất được phân bổ theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian được phép sử dụng đất của Công ty (trong vòng 50 năm).

1.1.9.2.2.2.1.0

09/10/2013

Thuế tài sản

Một khoản thuế được xem là thuế hoạt động khi bên cho thuê vẫn được hưởng phần lớn các quyền lợi và phải chịu rủi ro về quyền sở hữu tài sản. Chi phí thuế hoạt động được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian thuê. Các khoản tiền nhận được hoặc phải thu nhằm tạo điều kiện ký kết hợp đồng thuê hoạt động cũng được ghi nhận theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian thuê.

Doanh thu cho thuê hoạt động được ghi nhận theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian cho thuê. Chi phí trực tiếp ban đầu phát sinh trong quá trình đàm phán ký hợp đồng thuê hoạt động được ghi nhận vào giá trị còn lại của tài sản cho thuê và kế toán theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian cho thuê.

Bất động sản đầu tư

Bất động sản đầu tư bao gồm nhà cửa, vật kiến trúc do công ty nắm giữ nhằm mục đích thu lợi từ việc cho thuê. Bất động sản đầu tư cho thuê được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá của bất động sản đầu tư được mua bao gồm giá mua và các chi phí liên quan trực tiếp như phí dịch vụ tư vấn về luật pháp liên quan, thuế trước bạ và chi phí giao dịch liên quan khác. Nguyên giá bất động sản đầu tư tự xây là giá trị quyết toán công trình hoặc các chi phí liên quan trực tiếp của bất động sản đầu tư.

Bất động sản đầu tư cho thuê được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trên thời gian hữu dụng ước tính trong vòng 30 năm.

Các khoản trả trước

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều kỳ kế toán. Chi phí trả trước bao gồm khoản giá trị lợi thế kinh doanh của doanh nghiệp và các khoản chi phí trả trước khác.

Giá trị lợi thế kinh doanh của doanh nghiệp phản ánh lợi thế kinh doanh phát sinh khi xác định giá trị doanh nghiệp để cổ phần hóa. Khoản lợi thế kinh doanh này sẽ được phân bổ trong thời gian 5 năm vào chi phí sản xuất kinh doanh khi Công ty chính thức hoạt động dưới hình thức công ty cổ phần.

Các khoản chi phí trả trước khác bao gồm chi phí thuê đất, chi phí khác và giá trị công cụ, dụng cụ, linh kiện loại nhỏ đã xuất dùng và được coi là có khả năng đem lại lợi ích kinh tế trong tương lai cho Công ty. Các chi phí này được vốn hóa dưới hình thức các khoản trả trước và được phân bổ vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, sử dụng phương pháp đường thẳng theo các quy định kế toán hiện hành.

Ghi nhận doanh thu

Doanh thu của giao dịch về cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp giao dịch về cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ theo kết quả phân công việc đã hoàn thành tại ngày của bảng cân đối kế toán của kỳ đó. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn tất cả bốn (4) điều kiện sau:

- (a) Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- (b) Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- (c) Xác định được phân công việc đã hoàn thành tại ngày của bảng cân đối kế toán; và
- (d) Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Lãi tiền gửi được ghi nhận trên cơ sở dồn tích, được xác định trên số dư các tài khoản tiền gửi và lãi suất áp dụng.

Lãi từ các khoản đầu tư được ghi nhận khi Công ty có quyền nhận khoản lãi.

Ngoại tệ

Các nghiệp vụ phát sinh bằng ngoại tệ được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày phát sinh nghiệp vụ. Số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc niên độ kế toán được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày này. Chênh lệch tỷ giá phát sinh được hạch toán vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

Thuế

Thuế thu nhập doanh nghiệp thể hiện tổng giá trị của số thuế phải trả hiện tại và số thuế hoãn lại.

Số thuế phải trả hiện tại được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm. Thu nhập chịu thuế khác với lợi nhuận trước thuế được trình bày trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản thu nhập hay chi phí tính thuế hoặc được khấu trừ trong các năm khác (bao gồm cả lỗ mang sang, nếu có) và ngoài ra không bao gồm các chi tiêu không chịu thuế hoặc không được khấu trừ.

Thuế thu nhập hoãn lại được tính trên các khoản chênh lệch giữa giá trị ghi sổ và cơ sở tính thuế thu nhập của các khoản mục tài sản hoặc công nợ trên báo cáo tài chính và được ghi nhận theo phương pháp bảng cân đối kế toán. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả phải được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời còn tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để khấu trừ các khoản chênh lệch tạm thời.

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định theo thuế suất áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và chỉ ghi vào vốn chủ sở hữu khi khoản thuế đó có liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu. Tại ngày 31 tháng 12 năm 2018, Công ty không có khoản chênh lệch tạm thời trong yếu giữa giá trị ghi sổ của các khoản mục tài sản hoặc công nợ trên bảng cân đối kế toán với cơ sở tính thuế thu nhập.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả được bù trừ khi Công ty có quyền hợp pháp để bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hoãn lại với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và khi các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế và Công ty có dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuận.

Việc xác định thuế thu nhập của Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

Các loại thuế khác được áp dụng theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.

4. TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	VND		VND	
Tiền mặt	170.468.883		64.093.502	
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	11.275.959.653		8.561.679.293	
Các khoản tương đương tiền (i)	42.678.534.789		16.000.000.000	
	54.124.963.325		24.625.772.795	

(i) Bao gồm các khoản tiền gửi có kỳ hạn gốc từ 01 đến 03 tháng tại các Ngân hàng TMCP Dầu khí toàn cầu, Ngân hàng TMCP Đông Nam Á và Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam với lãi suất từ 4,5% đến 5,5%/năm.

5. CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	VND		VND	
	Giá gốc	Giá trị ghi sổ	Giá gốc	Giá trị ghi sổ
a/ Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn				
a1. Ngắn hạn				
Tiền gửi có kỳ hạn (i)	449.389.562.826	449.389.562.826	432.570.499.000	432.570.499.000
a2. Dài hạn				
Tiền gửi có kỳ hạn	-	-	40.000.000.000	40.000.000.000
	449.389.562.826	449.389.562.826	472.570.499.000	472.570.499.000

(i) Tại ngày 31 tháng 12 năm 2018, tiền gửi có kỳ hạn ngắn hạn phản ánh các khoản tiền gửi bằng VND có kỳ hạn gốc trên 3 tháng và kỳ hạn còn lại dưới 12 tháng tại các ngân hàng thương mại, hưởng lãi suất từ 6,1% đến 8,1%/năm.

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	VND		VND	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
b/ Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác				
b1. Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết				
Công ty TNHH Global Toserao	209.672.714.716	-	209.672.714.716	-
Công ty Liên doanh Khách sạn TNHH Hà Nội Hotel	61.365.277.673	-	61.365.277.673	-
Công ty Cổ phần Du lịch và Thương mại Sao Phương Đông	14.736.112.518	-	14.736.112.518	-
b2. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	1.872.600.730		1.872.600.730	
Công ty Cổ phần Hanotourist Taxi	1.872.600.730	-	1.872.600.730	-
	287.646.705.597	-	287.646.705.597	-

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2018, giá gốc các khoản đầu tư tài chính dài hạn của Công ty là giá trị đánh giá lại được phê duyệt theo Quyết định số 7189/QĐ-UBND ngày 29 tháng 12 năm 2014 của UBND Thành phố Hà Nội về việc phê duyệt giá trị doanh nghiệp và phương án cổ phần hóa của Công ty Cổ phần Du lịch Dịch vụ Hà Nội và sau đó, các khoản đầu tư này được Công ty định giá lại theo hướng dẫn của Nghị định số 59/2011/NĐ-CP ngày 18 tháng 7 năm 2011 của Chính phủ về chuyển doanh nghiệp 100% vốn Nhà nước thành công ty cổ phần ("Nghị định 59"), Nghị định số 116/2015/NĐ-CP ngày 11 tháng 11 năm 2015 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định 59 và Thông tư số 127/2014/TT-BTC ngày 05 tháng 9 năm 2014 hướng dẫn xử lý tài chính và xác định giá trị doanh nghiệp khi thực hiện chuyển doanh nghiệp 100% vốn nhà nước thành công ty cổ phần.

Công ty chưa định giá được giá trị hợp lý của các khoản đầu tư tài chính tại ngày kết thúc niên độ kế toán do các quy định hiện hành chưa có hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị hợp lý của các khoản đầu tư tài chính.

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2018, thông tin chi tiết về các công ty liên doanh, liên kết và các công ty nhàn đầu tư khác của Công ty như sau:

Tên công ty nhận đầu tư	Nơi thành lập và hoạt động	Tỷ lệ lợi ích	Tỷ lệ góp vốn	Hoạt động chính
Công ty Liên doanh Khách sạn TNHH Hà Nội Hotel	Việt Nam	50,00%	29,58%	Kinh doanh khách sạn
Công ty TNHH Global Toserao	Việt Nam	35,00%	35,00%	Sinh doanh khách sạn
Công ty Cổ phần Du lịch và Thương mại Sao Phương Đông	Việt Nam	40,00%	40,00%	Kinh doanh khách sạn
Công ty Cổ phần Hanotourist Taxi	Việt Nam	5,20%	5,20%	Kinh doanh vận tải

6. PHẢI THU NGẮN HẠN CỦA KHÁCH HÀNG

	Số cuối năm	Số đầu năm
	VND	VND
Công ty TNHH Ericsson Việt Nam	1.928.753.410	7.195.475.000
Công ty TNHH Yamaha Việt Nam	1.219.058.764	973.361.000
Công ty Cổ phần Đầu tư Thương mại và Dịch vụ Sông Linh	30.400.000	1.243.680.130
Các khoản phải thu khách hàng khác	6.155.471.758	6.162.315.943
	9.333.683.932	15.574.832.073

7. TRẢ TRƯỚC CHO NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN

	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
Công ty TNHH XD TM DL Hồng Ngọc Hà	532.676.490	-
Công ty TNHH Du lịch và Dịch vụ Ngọc Trúc	200.000.000	-
Công ty TNHH Du lịch Thiên đường Đồng Nam Á	196.175.000	-
Công ty TNHH Khách sạn Nhà hát Hilton	162.628.000	-
Công ty Cổ phần Địa chính Hà Nội	-	692.246.000
Các khoản trả trước cho người bán ngắn hạn khác	339.001.500	266.121.182
	1.431.360.990	958.367.182

8. PHẢI THU KHÁC

	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
a. Ngắn hạn		
Lãi tiền gửi	12.657.484.140	10.780.839.951
Ký cược, ký quỹ	14.434.998.840	701.618.000
Tạm ứng cho nhân viên	424.034.500	40.866.400
Phải thu khác	2.551.508.239	467.736.778
	30.068.025.719	11.999.061.129
b. Dài hạn		
Ký cược, ký quỹ	639.202.250	-
	639.202.250	-



1121 1125 1126 1127

9. TĂNG, GIẢM TÀI SẢN CỐ ĐỊNH HỮU HÌNH

	Nhà cửa và vật kiến trúc VND	Máy móc và thiết bị VND	Phương tiện vận tải VND	Thiết bị vận phòng VND	Tổng VND
NGUỒN GIÁ					
Số dư đầu năm	7.003.446.421	17.056.963.577	1.231.753.000	37.400.000	25.369.562.998
Mua sắm mới	-	-	2.371.258.182	-	2.371.258.182
Chuyển sang bất động sản đầu tư	(1.509.360.265)	-	-	-	(1.509.360.265)
Thanh lý, nhượng bán	-	-	(1.231.753.000)	-	(1.231.753.000)
Số dư cuối năm	5.494.086.156	17.056.963.577	2.371.258.182	37.400.000	24.999.707.915
GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ					
Số dư đầu năm	1.618.457.669	13.793.622.991	1.073.945.723	37.400.000	16.523.426.383
Khấu hao trong năm	208.709.832	1.937.020.642	196.499.717	-	2.342.239.191
Chuyển sang bất động sản đầu tư	(380.507.106)	-	-	-	(380.507.106)
Thanh lý, nhượng bán	-	-	(1.095.712.247)	-	(1.095.712.247)
Phần loại bỏ	34.867.375	(34.867.375)	-	-	-
Số dư cuối năm	1.481.527.770	15.695.785.258	174.733.193	37.400.000	17.389.446.221
GIÁ TRỊ CÒN LẠI					
Tại ngày đầu năm	5.384.988.752	3.303.340.586	157.807.277	-	8.846.136.615
Tại ngày cuối năm	4.012.558.386	1.401.178.319	2.196.524.989	-	7.610.261.694

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2018, nguyên giá của các tài sản cố định hữu hình đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng là 190.983.835 VND (tại ngày 31 tháng 12 năm 2017: 70.203.636 VND).

10. TĂNG, GIẢM BẤT ĐỘNG SẢN ĐẦU TƯ

	Nhà cửa và vật kiến trúc VND
NGUYÊN GIÁ	
Số dư đầu năm	73.727.349.474
Phần loại từ tài sản cố định hữu hình	1.509.360.265
Số dư cuối năm	<u>75.236.709.739</u>
GIÁ TRỊ HAO MÓN LŨY KẾ	
Số dư đầu năm	21.136.484.164
Trích khấu hao trong năm	3.104.051.338
Phần loại từ tài sản cố định hữu hình	389.507.106
Số dư cuối năm	<u>24.621.042.608</u>
GIÁ TRỊ CÒN LẠI	
Tại ngày đầu năm	<u>52.590.865.310</u>
Tại ngày cuối năm	<u>50.615.667.131</u>

Giá trị tăng nguyên giá và khấu hao lũy kế của bất động sản đầu tư trong năm thể hiện giá trị được phân loại lại từ tài sản cố định hữu hình tương ứng với diện tích cho thuê của các tòa nhà, văn phòng cho thuê thuộc sở hữu của Công ty tại thành phố Hà Nội.

Giá trị hợp lý của bất động sản đầu tư

Theo quy định tại Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 05 - Bất động sản đầu tư, giá trị hợp lý của bất động sản đầu tư tại ngày 31 tháng 12 năm 2018 cần được trình bày. Tuy nhiên, Công ty hiện chưa xác định được giá trị hợp lý này nên giá trị hợp lý của bất động sản đầu tư tại ngày 31 tháng 12 năm 2018 chưa được trình bày trên Thuyết minh báo cáo tài chính. Để xác định được giá trị hợp lý này, Công ty sẽ phải thuê một công ty tư vấn độc lập đánh giá giá trị hợp lý của bất động sản đầu tư. Hiện tại, Công ty chưa tìm được công ty tư vấn phù hợp để thực hiện công việc này.

11. CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC DÀI HẠN

	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
Lợi thế kinh doanh (i)	18.451.493.408	26.806.886.049
Chi phí địa chính (ii)	891.918.904	-
Chi phí trả trước khác	365.306.953	85.460.840
	<u>19.708.719.265</u>	<u>26.892.347.489</u>

(i) Lợi thế kinh doanh của Công ty phản ánh lợi thế kinh doanh phát sinh khi xác định giá trị doanh nghiệp để cổ phần hóa. Khoản lợi thế kinh doanh này sẽ được phân bổ vào chi phí sản xuất kinh doanh trong vòng 5 năm khi Công ty chính thức chuyển thành công ty cổ phần. Giá trị đã được phân bổ vào chi phí trong năm là 8.355.393.241 VND (năm 2017 là 8.355.393.241 VND).

(ii) Thể hiện giá trị còn lại của khoản chi phí trả cho Công ty Cổ phần Địa chính Hà Nội liên quan đến dịch vụ tư vấn địa chính tại tòa nhà số 2 Núi Trúc. Công ty thực hiện phân bổ vào chi phí kinh doanh trong năm tương ứng với thời gian thuê đất.

12. PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN

	Số cuối năm VND		Số đầu năm VND	
	Giá gốc	Số có khả năng trả nợ	Giá gốc	Số có khả năng trả nợ
Công ty TNHH Hoàn Mỹ	55.858.000	55.858.000	-	-
Công ty Điện lực Đa Định	53.126.262	53.126.262	106.305.862	106.305.862
Công ty TNHH Dịch vụ Bảo vệ Đất Việt - Chi nhánh Hà Nội	52.657.000	52.657.000	-	-
Công ty TNHH Quảng cáo và Truyền thông Bông Sen Việt Nam	51.150.000	51.150.000	-	-
Công ty TNHH Đầu tư và Phát triển EMIRE Việt Nam	43.680.937	43.680.937	-	-
Phải trả cho các đối tượng khác	178.930.022	178.930.022	529.451.732	529.451.732
	<u>435.402.221</u>	<u>435.402.221</u>	<u>635.757.594</u>	<u>635.757.594</u>

13. NGƯỜI MUA TRẢ TIỀN TRƯỚC NGẮN HẠN

	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
International Study Programs, s.r.o	1.687.419.956	690.677.178
Các khoản người mua trả tiền trước ngắn hạn khác	396.032.051	-
	<u>2.083.452.007</u>	<u>690.677.178</u>

14. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC

	Số đầu năm VND	Số phải nộp trong năm VND	Số đã nộp/ khấu trừ trong năm VND	Số cuối năm VND
Thuế giá trị gia tăng	108.592.815	4.379.437.376	4.281.556.540	206.473.651
Thuế thu nhập doanh nghiệp	1.015.150.572	7.987.933.763	6.945.351.224	2.057.733.111
Thuế thu nhập cá nhân	49.985.628	1.200.080.770	1.225.957.658	24.109.740
Thuế nhà đất, tiền thuế đất	-	6.091.552.780	6.091.552.780	-
Các loại thuế khác	-	20.200.000	20.200.000	-
	1.173.730.015	19.679.204.689	18.564.618.202	2.288.316.502

15. CHI PHÍ PHẢI TRẢ NGẮN HẠN

	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
Tiền lãi phải trả cho các nhà đầu tư (i)	18.805.975.243	18.805.975.243
Trích trước lương tháng 13, tiền thưởng và ăn trưa	2.494.800.923	2.489.950.757
Chi phí phải trả khác	297.798.265	360.432.205
	21.598.574.431	21.656.358.205

(i) Công ty ghi nhận tiền lãi phải trả cho các nhà đầu tư theo quy định của Thông tư số 127/2014/TT-BTC ngày 05 tháng 9 năm 2014 của Bộ Tài chính hướng dẫn xử lý tài chính và xác định giá trị doanh nghiệp khi thực hiện chuyển doanh nghiệp 100% vốn Nhà nước thành công ty cổ phần.

16. DOANH THU CHƯA THỰC HIỆN NGẮN HẠN

Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn phản ánh số tiền của khách hàng đã trả trước tiền thuê văn phòng cho nhiều kỳ kế toán.

17. PHẢI TRẢ KHÁC

	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
a. Ngắn hạn		
Nhận ký quỹ, ký cược	5.865.653.552	9.005.453.145
Phải trả cổ tức	6.514.161.750	-
Thù lao Hội đồng Quản trị và Ban Kiểm soát	1.001.907.947	1.064.807.947
Phải trả ngắn hạn khác	795.108.973	1.718.563.151
	14.176.832.222	11.788.824.243
b. Dài hạn		
Nhận ký quỹ, ký cược	5.076.325.601	-
	5.076.325.601	-

CÔNG TY CỔ PHẦN DU LỊCH DỊCH VỤ HÀ NỘI
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

18. VỐN CHỦ SỞ HỮU

Thay đổi trong vốn chủ sở hữu

	Vốn góp của chủ sở hữu VND	Thặng dư vốn cổ phần VND	Cổ phiếu quỹ VND	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối VND	Quỹ đầu tư phát triển VND	Tổng VND
Số dư đầu năm trước	748.000.000.000	1.231.896.222	-	14.265.325.745	-	763.497.221.967
Lợi nhuận trong năm	-	-	-	96.236.620.203	-	96.236.620.203
Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi	-	-	-	(1.426.532.574)	-	(1.426.532.574)
Trích thù lao Hội đồng Quản trị và Ban Kiểm soát	-	-	-	(635.652.174)	-	(635.652.174)
Mua lại cổ phiếu tự cân bù, nhân viên	-	(26.400.000)	-	-	-	(26.400.000)
Số dư đầu năm này	748.000.000.000	1.231.896.222	(26.400.000)	108.429.761.200	-	857.833.257.512
Lợi nhuận trong năm	-	-	-	91.583.037.125	-	91.583.037.125
Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi (i)	-	-	-	(1.946.356.872)	-	(1,946,356,872)
Trích quỹ thưởng Ban điều hành, Hội đồng Quản trị và Ban kiểm soát (i)	-	-	-	(1,914,512,406)	-	(1,914,512,406)
Trích quỹ đầu tư, phát triển (i)	-	-	-	(4,811,331,015)	4,811,331,015	-
Chi cổ tức	-	-	-	(96,244,400,000)	-	(96,244,400,000)
Số dư cuối năm này	748.000.000.000	1.231.896.222	(26.400.000)	105.066.178.122	4.811.331.015	859.083.005.359

(i) Theo Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2018 ngày 04 tháng 9 năm 2018, Công ty thực hiện trích lập Quỹ khen thưởng, phúc lợi với số tiền là 1.946.356.872 VND; Quỹ thưởng Ban điều hành, Hội đồng Quản trị và Ban kiểm soát với số tiền là 1.924.532.406 VND; và Quỹ đầu tư phát triển với số tiền là 4.811.331.015 VND. Đồng thời, Đại hội đồng cổ đông cũng thông qua việc chia cổ tức 11,53% vốn điều lệ với số tiền là 96.244.400.000 VND.

Cổ phiếu

	Số cuối năm	Số đầu năm
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng		
Cổ phiếu phổ thông	74.800.000	74.800.000
Số lượng cổ phiếu quỹ		
Cổ phiếu phổ thông	2.000	2.000
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành		
Cổ phiếu phổ thông	74.798.000	74.798.000

Cổ phiếu phổ thông có mệnh giá 10.000 VND/cổ phiếu.

Vốn điều lệ

Theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp thay đổi lần thứ 04 ngày 09 tháng 10 năm 2017, vốn điều lệ của Công ty là 748.000.000.000 VND. Tại ngày 31 tháng 12 năm 2018, vốn điều lệ đã được cổ đông góp như sau:

	Vốn đã góp			
	Số cuối năm		Số đầu năm	
	VND	%	VND	%
Tổng Công ty Du lịch Hà Nội	338.030.000.000	45,2	338.030.000.000	45,2
Công ty Cổ phần Phát triển TV	200.000.000.000	26,7	200.000.000.000	26,7
Các cổ đông khác	209.970.000.000	28,1	209.970.000.000	28,1
	748.000.000.000	100	748.000.000.000	100

19. CÁC KHOẢN MỤC NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Ngọai tệ các loại	Đơn vị	Số cuối năm	Số đầu năm
Dó la Mỹ	USD	3.929.516,25	3.858.490,08
Euro	EUR	289,12	300,04

20. DOANH THU CUNG CẤP DỊCH VỤ

	Năm nay	Năm trước
	VND	VND
Doanh thu cho thuê văn phòng	49.745.577.918	46.617.919.261
Doanh thu vận hành tour du lịch	80.327.755.984	91.554.503.524
Doanh thu từ đại lý vé máy bay	33.902.626.663	28.773.768.165
	163.975.960.565	166.946.280.950

21. GIÁ VỐN DỊCH VỤ CUNG CẤP

	Năm nay	Năm trước
	VND	VND
Giá vốn cho thuê văn phòng	21.792.381.588	19.767.458.573
Giá vốn vận hành tour du lịch	76.034.393.844	86.911.013.796
Giá vốn từ đại lý vé máy bay	30.529.133.447	25.620.275.981
	128.355.908.879	132.298.748.350

22. CHI PHÍ KINH DOANH THEO YẾU TỐ

	Năm nay	Năm trước
	VND	VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	115.736.600	673.777.392
Chi phí nhân công	17.748.398.531	22.125.653.730
Chi phí khấu hao	5.446.290.529	5.466.741.986
Chi phí dịch vụ mua ngoài	114.350.639.479	119.789.497.959
Chi phí bằng tiền khác	19.704.019.415	19.119.381.249
	157.365.084.554	167.175.052.356

23. DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH

	Năm nay	Năm trước
	VND	VND
Lãi tiền gửi	29.753.481.759	24.736.757.905
Cổ tức, lợi nhuận được chia	61.068.486.779	77.473.570.821
Lãi chênh lệch tỷ giá	2.539.621.530	10.063.800
	93.361.590.068	102.229.392.526

24. CHI PHÍ BÁN HÀNG VÀ CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP

	Năm nay	Năm trước
	VND	VND
Chi phí bán hàng		
Chi phí nhân công	7.707.921.683	8.126.165.711
Chi phí khấu hao	16.798.164	16.798.164
Chi phí dịch vụ mua ngoài	280.279.401	383.180.855
Chi phí bằng tiền khác	252.274.638	495.690.842
	8.257.273.886	9.021.835.572
Chi phí quản lý doanh nghiệp		
Chi phí nhân công	10.040.476.848	15.293.480.842
Chi phí khấu hao	364.719.085	428.261.030
Chi phí dịch vụ mua ngoài	575.726.059	544.498.159
Chi phí bằng tiền khác	9.770.979.797	9.588.228.403
	20.751.901.789	25.854.468.434

25. CHI PHÍ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP HIỆN HÀNH

	Năm nay VND	Năm trước VND
Lợi nhuận kế toán trước thuế	99.551.054.525	101.849.667.947
Cộng: Các khoản chi phí không được khấu trừ	1.593.089.362	3.136.827.941
- Chi phí không hợp lý, hợp lệ	1.062.123.443	1.228.597.212
- Lỗi chênh lệch tỷ giá đánh giá lại	530.965.919	135.088.294
- Lãi chênh lệch tỷ giá đánh giá lại	-	1.772.242.435
Trừ: Các khoản thu nhập không chịu thuế	(61.204.475.073)	(77.473.570.821)
- Cổ tức, lợi nhuận được chia	(61.068.486.779)	(77.473.570.821)
- Lỗi chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện được mang sang	(135.988.294)	-
Thu nhập chịu thuế	39.939.668.814	27.513.925.067
Thuế suất thông thường	20%	20%
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	7.987.933.763	5.502.585.013
Thuế thu nhập doanh nghiệp bổ sung theo Kết luận của Thanh tra thuế	-	120.462.641
Tổng chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	7.987.933.763	5.623.047.654

Trong năm, Công ty có nghĩa vụ nộp thuế thu nhập doanh nghiệp theo tỷ lệ 20% trên thu nhập chịu thuế. Việc xác định thuế thu nhập doanh nghiệp căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

26. LÃI CƠ BẢN TRÊN CỔ PHIẾU

	Năm nay	Năm trước (Trình bày lại)	
Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (VND)	91.563.037.125	96.226.620.293	
Trích quỹ khen thưởng phúc lợi (VND)	-	(1.946.356.872)	
Trích quỹ thưởng Ban điều hành, Hội đồng Quản trị và Ban kiểm soát (VND)	-	(1.924.532.406)	
Lợi nhuận phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông (VND)	91.563.037.125	92.355.731.015	
Số cổ phiếu phổ thông bình quân lưu hành trong năm	74.798.000	74.798.000	
Lãi cơ bản trên cổ phiếu (VND)	1.224	1.235	
	Số đã báo cáo	Số trình bày lại	Chênh lệch
Lãi cơ bản trên cổ phiếu (VND)	1.286	1.235	51

Số trích quỹ khen thưởng phúc lợi, quỹ thưởng Ban điều hành, Hội đồng Quản trị và Ban kiểm soát tương ứng cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017 được xác định lại từ nguồn lợi nhuận sau thuế TNDN cả năm 2017 theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên ngày 04 tháng 9 năm 2018. Theo đó, lãi cơ bản trên cổ phiếu của Công ty năm 2017 được trình bày lại là 1.235 đồng/cổ phiếu (số đã trình bày năm trước: 1.286 đồng/cổ phiếu).

Tại ngày lập báo cáo, Công ty chưa có kế hoạch về số tiền sẽ trả thù lao cho Ban điều hành, Hội đồng Quản trị và Ban Kiểm soát và số tiền sẽ trích Quỹ khen thưởng, phúc lợi từ lợi nhuận

năm 2018, do đó chỉ tiêu lãi cơ bản trên cổ phiếu năm 2018 có thể thay đổi nếu Công ty có quyết định về việc trích và chi trả các quỹ này trong tương lai.

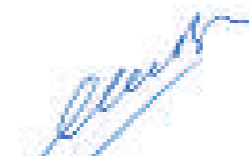
27. NGHIỆP VỤ VÀ SỐ DƯ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN

Thu nhập Ban Điều hành được hưởng trong năm như sau:

	Năm nay VND	Năm trước VND
Thu nhập của Ban Điều hành	1.803.884.284	2.538.724.016



Dương Thị Như
Người lập biểu



Vũ Thị Bình
Kế toán trưởng




Nguyễn Kim Hà
Tổng Giám đốc

Ngày 29 tháng 3 năm 2019

CÔNG TY CỔ PHẦN DU LỊCH DỊCH VỤ HÀ NỘI

Địa chỉ	Số 273 phố Kim Mã, Phường Giảng Võ, Quận Ba Đình, Thành phố Hà Nội
Số điện thoại	0243 726 2626
Số fax	0243 726 2571
Website	hanoitoserco.com.vn hanoitoserco.vn

